

Số: /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 978/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Quản lý đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Đại học Hồng Đức)

Điều 1. Quy định chung

1. Việc xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (CTĐT) phải thỏa mãn các Tiêu chuẩn của Kiểm định chất lượng giáo dục đại học về chương trình giáo dục, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung CTĐT phải xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia Việt Nam tại Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT; có sự tham gia của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động/doanh nghiệp, nhà khoa học, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên,...); được Hội đồng Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua, Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

a) Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

b) Mỗi CTĐT gắn với một ngành/chuyên ngành và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: Giáo dục đại cương (GDĐC) và giáo dục chuyên nghiệp (GDCN). Kiến thức GDĐC bao gồm kiến thức về lý luận chính trị, khoa học xã hội-nhân văn, khoa học tự nhiên-công nghệ, ngoại ngữ, giáo dục thể chất (GDTC), giáo dục quốc phòng-an ninh (GDQPAN). Kiến thức GDCN bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập tốt nghiệp/khóa luận/đồ án hoặc học phần thay thế.

3. Chuẩn đầu ra (CĐR) là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Nội dung, chuẩn đầu ra của CTĐT áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong CTĐT trước hoặc đang theo học chương trình ở cấp độ tương đương.

4. Bản mô tả CTĐT là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của nhà trường. Bản mô tả CTĐT thường bao gồm các nội dung sau: Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khoá học; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

5. Chương trình đào tạo, bản mô tả CTĐT phải được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất 01 lần trong 05 năm. Trên cơ sở kế hoạch triển khai rà soát của Nhà trường, các khoa/bộ môn thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo đúng quy trình và báo cáo về Nhà trường qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

6. Đề cương chi tiết học phần (ĐC CTHP) là tài liệu do giảng viên xây dựng, bộ môn thẩm định, khoa phê duyệt ban hành. Đề cương chi tiết học phần bao gồm thông tin về giảng viên, mã học phần, mô tả tóm tắt học phần, chuẩn đầu ra (*kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm*), giáo trình/tài liệu tham khảo, đánh giá kết quả học tập, nội dung và hình thức tổ chức dạy học, quy định đối với sinh viên, các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có).

a) Đề cương chi tiết học phần được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện rõ mức độ đóng góp của học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; chuẩn đầu ra học phần phải đo lường, đánh giá được mức độ theo thang đo nhận thức; cung cấp đầy đủ thông tin giảng viên; số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thảo luận, thực hành,...; nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với CDR học phần; phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá, chính sách đối với học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo,....

b) Đề cương chi tiết học phần được lưu giữ tại khoa, bộ môn và phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học; giảng viên phải có trách nhiệm giới thiệu, cung cấp ĐC CTHP cho sinh viên/học viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

c) Đề cương chi tiết học phần được định kỳ rà soát, điều chỉnh về mục tiêu, chuẩn đầu ra nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo ít nhất 01 lần trong 05 năm.

Điều 2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Việc xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo phải đảm bảo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Hồng Đức; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và theo Khung trình độ Quốc gia

Việt Nam; đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

a) Mục tiêu chung mang tính rộng, khái quát và định hướng của chương trình đào tạo. Để xác định mục tiêu chung cần căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, Luật Giáo dục đại học.

b) Mục tiêu cụ thể (*PO-Program Objectives*) là kết quả mong muốn của chương trình đào tạo thông qua các điều kiện có thể xác định được. Căn cứ vào Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), Điều 4-Mục tiêu của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT) để xác định những mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (*sử dụng ký hiệu PO1, PO2, ... POn; không có quá 9 mục tiêu, có thể có 3 PO gắn với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm*).

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (*PLO-Program Learning Outcomes*) được thể hiện bằng các thuật ngữ cụ thể và có thể đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy về kết quả đạt được của người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (Phụ lục 1) và nhất quán với mục tiêu chương trình đào tạo.

Để xây dựng CDR, cần căn cứ vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và Điều 5 về Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT).

Trên cơ sở mục tiêu đào tạo, thiết kế bảng mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLO) với mục tiêu (PO), từ đó xác định những CDR của CTĐT gắn với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (*ký hiệu PLO1, PLO2, ... PLOm; không quá 15 chuẩn đầu ra*).

Điều 3. Chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

Chương trình đào tạo bao gồm: thông tin chung về chương trình, mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy và đề cương học phần (đề cương học phần gồm các mục: *Tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh, số tín chỉ, mã số học phần, bộ môn quản lý học phần, điều kiện tiên quyết, mô tả học phần, mục tiêu học phần, CDR học phần, nội dung học phần, hình thức dạy-học, hình thức, phương pháp đánh giá, yêu cầu đối với sinh viên, giáo*

trình, tài liệu tham khảo), đội ngũ giảng viên (*số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, đại học*), cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo (*phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan*), quy định hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo (Phụ lục 2).

2. Bản mô tả chương trình đào tạo gồm 2 phần: Mô tả chương trình (*Giới thiệu về CTĐT, thông tin chung về CTĐT, mục tiêu, chuẩn đầu ra-chuẩn đầu vào, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá*) và mô tả chương trình dạy học (*Cấu trúc chương trình, mô tả các học phần, trình tự nội dung chương trình dạy học, ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT*) (Phụ lục 3).

3. Đề cương chi tiết học phần được mô tả cụ thể, rõ ràng, chi tiết bao gồm các nội dung sau: Thông tin chung về học phần (*Tên học phần tiếng Việt, tiếng Anh; mã học phần; loại học phần, thuộc khối/nhóm kiến thức; số tín chỉ và tiết cho mỗi loại hoạt động dạy học; học phần tiên quyết, học phần kế tiếp; bộ môn quản lý học phần*); thông tin về giảng viên (*liệt kê 1-3 giảng viên có thể giảng dạy được học phần, trợ giảng, trong đó xác định người chịu trách nhiệm chính*); mô tả tóm tắt học phần (*tóm tắt nội dung chính của học phần*); CĐR học phần (*gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm gắn với CĐR của CTĐT*); giáo trình, tài liệu tham khảo (*gồm có 01 giáo trình/bộ giáo trình chính và không quá 02 tài liệu/bộ tài liệu tham khảo đối với CTĐT trình độ đại học; 01-02 giáo trình/bộ giáo trình chính và từ 02-04 tài liệu/bộ tài liệu tham khảo đối với CTĐT trình độ thạc sĩ, tiến sĩ*); đánh giá kết quả học tập (*thể hiện đầy đủ các hình thức đánh giá, nội dung, cách thực hiện và gắn với CĐR của học phần kèm phụ lục tiêu chí đánh giá*); nội dung và hình thức dạy học (*phân chia theo chương mục, tương ứng với mỗi nội dung có hình thức dạy học phù hợp và nhằm đạt được CĐR nào của học phần*); quy định đối với sinh viên; yêu cầu khác của giảng viên (nếu có) (Phụ lục 4).

Điều 4. Quy trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo

1. Việc thực hiện xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo phải đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT, cụ thể như sau:

a) Nhà trường triển khai kế hoạch xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.

b) Khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT do khoa, bộ môn quản lý (kế hoạch triển khai, thành lập các Hội đồng xây dựng CTĐT), gửi về Nhà trường qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học.

c) Đối với Hội đồng xây dựng CTĐT để mở ngành mới thực hiện theo đúng quy định tại điểm d, khoản 2 Điều này. Đối với Hội đồng xây dựng CTĐT (điều chỉnh), thực hiện các bước: Thu thập các thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải điều chỉnh CĐR, CTĐT (*Những thay đổi trong quy định của Nhà*

nước, Nhà trường về CTĐT; ý kiến góp ý của các bên liên quan về CDR, CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học liên quan đến nội dung chương trình; thông tin đối sánh với CTĐT tương đương của các trường đại học trong nước, quốc tế có uy tín); xây dựng bản dự thảo điều chỉnh CDR, CTĐT; xin ý kiến các bên liên quan; hoàn thiện sau khi có ý kiến góp ý.

d) Hội đồng Khoa thực hiện thẩm định và nộp hồ sơ báo cáo về Nhà trường qua phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học.

e) Phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học tham mưu thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định cấp Trường theo quy định.

Yêu cầu: Nộp hồ sơ trước khi thẩm định CTĐT ít nhất 15 ngày (đối với xây dựng mới) và trước 7 ngày (đối với điều chỉnh mục tiêu, CDR, CTĐT, bản mô tả...).

f) Thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu thành viên tham gia Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT trên cơ sở đề xuất của phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học.

Yêu cầu về thành phần của Hội đồng phải đảm bảo theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau:

a) Cơ cấu Hội đồng

- Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của Nhà trường, có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT;

- Chuyên gia phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

- Đại diện nhà tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

b) Số lượng thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT có số thành viên là số lẻ và có tối thiểu là 5 thành viên.

c) Cơ cấu Hội đồng xây dựng CTĐT gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên; đối với Hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học: Chủ tịch Hội đồng là giảng viên cơ hữu của Nhà trường và có chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần, các thành viên còn lại có trình độ từ thạc sĩ trở lên đúng ngành hoặc ngành gần; đối với Hội đồng xây dựng CTĐT sau đại học: Chủ tịch là giảng viên cơ hữu của Nhà trường và có chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư, các thành viên còn lại có trình độ tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần.

d) Nhiệm vụ của Hội đồng và các thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT.

- Xác định rõ mục tiêu của CTĐT; chuẩn đầu ra của CTĐT; khối lượng kiến thức; cấu trúc và nội dung CTĐT; phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của ngành đào tạo và các yêu cầu cụ thể đối với ngành đào tạo;

- Xây dựng CTĐT đảm bảo phù hợp với chuẩn CTĐT đối với trình độ tương ứng;

- Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng chuẩn CTĐT của ngành/chuyên ngành đào tạo; tính phù hợp với thực tế; tính phù hợp với chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; tính phù hợp với các quy định hiện hành và đảm bảo quyền tự chủ của Nhà trường;

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng xây dựng CTĐT; kiến nghị với Nhà trường thay đổi các thành viên và kiện toàn Hội đồng (nếu cần thiết);

- Phối hợp với đơn vị liên quan báo cáo Nhà trường về kế hoạch, tiến độ, kết quả xây dựng chương trình đào tạo.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình trước Nhà trường và các bên liên quan khác về các vấn đề liên quan đến CTĐT của ngành/chuyên ngành đào tạo.

Điều 5. Quy trình thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trên cơ sở đề xuất của phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học.

Tiêu chuẩn thành viên tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT phải đảm bảo theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 18 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT, cụ thể như sau:

a) Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT: Là người có chức danh giáo sư, phó giáo sư, hoặc trình độ tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT.

b) Hội đồng thẩm định có số thành viên là số lẻ và tối thiểu là 5 thành viên, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động. Khuyến khích mời giảng viên có trình độ cao của các trường đại học nước ngoài tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT. Đối với xây dựng CTĐT (điều chỉnh), Hội đồng thẩm định CTĐT được điều chỉnh thành viên có thể có trình độ thạc sĩ nhưng không quá 02 người; Trường hợp người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động không đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT tham gia làm ủy viên Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ.

2. Thẩm định chương trình đào tạo.

a) Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Hội đồng thẩm định kết luận rõ một trong các nội dung: “Thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung” hoặc “Thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung” hoặc “Không thông qua CTĐT” và nêu lý do không thông qua.

c) Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo, gồm:

- Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa;
- Hồ sơ minh chứng cần thiết phải xây dựng mới/điều chỉnh chương trình đào tạo (*Phiếu khảo sát, góp ý của các bên liên quan*);
- Hồ sơ đối sánh chương trình đào tạo với chương trình tương ứng của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có uy tín;
- Báo cáo nội dung cần điều chỉnh CTĐT;
- Hồ sơ góp ý của chuyên gia về CTĐT (trong và ngoài trường);
- Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo.

3. Ban hành và công bố chương trình đào tạo

a) Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng CTĐT giải trình (giải trình trực tiếp hoặc giải trình bằng văn bản) các ý kiến của Hội đồng thẩm định và tiến hành chỉnh sửa theo các ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có);

b) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo;

c) Chuẩn đầu ra, CTĐT và bản mô tả chương trình đào tạo được công bố đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm công bố trên trang thông tin điện tử của khoa đào tạo/đơn vị quản lý đào tạo;

d) Khoa đào tạo, Bộ môn tổ chức điều chỉnh đề cương chi tiết học phần và công bố đến người học theo quy định hiện hành.

Điều 6. Quy trình và hồ sơ thực hiện xây dựng, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần

1. Xây dựng, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần, gồm các bước như sau:

a) Bộ môn tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch điều chỉnh ĐC CTHP đối với những ngành/chuyên ngành đang đào tạo hoặc dự kiến xây dựng mới (nếu có) và phân công giảng viên hoặc nhóm giảng viên xây dựng ĐC CTHP;

b) Giảng viên hoặc nhóm giảng viên được phân công triển khai xây dựng đề cương theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

c) Bộ môn tổ chức góp ý về ĐC CTHP (*trong đó có các rubric để đánh giá hoạt động học tập; các rubric phải được thống nhất trong cùng 01 bộ môn*) với sự tham gia của các giảng viên có cùng chuyên môn hoặc chuyên môn gần với học phần, cập nhật ý kiến của chuyên gia, sinh viên đã và đang học học phần (*bằng biên bản*).

d.) Giảng viên hoàn thiện ĐC CTHP, bộ môn tổ chức thẩm định ĐC CTHP theo quy định (*bằng biên bản, phiếu đánh giá*).

e). Trưởng khoa đào tạo tổ chức thẩm định và ban hành ĐC CTHP do các bộ môn thuộc khoa quản lý và công bố trước khi thực hiện dạy học ít nhất 07 ngày.

2. Hồ sơ xây dựng, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần gồm:

a) Đề cương chi tiết học phần;

b) Phiếu đánh giá;

c) Biên bản thẩm định cấp bộ môn;

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý về ĐC CTHP (*qua hội thảo, góp ý của chuyên gia, cựu sinh viên,....*).

e) Biên bản thẩm định của Hội đồng Khoa.

Sau khi được Hội đồng khoa thông qua, hồ sơ xây dựng, điều chỉnh và ĐC CTHP được lưu giữ tại bộ môn quản lý học phần, giáo vụ khoa và Nhà trường qua phòng QLĐT/QLĐTSĐH (*lưu giữ theo CTĐT*).

Điều 7. Đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT, cụ thể như sau:

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được Khoa, bộ môn áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT;

b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (người sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi chuẩn đầu ra phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT;

c) Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội

dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể CTĐT tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới CTĐT. Nhà trường công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng CTĐT trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

Điều 8. Kinh phí thực hiện: Theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Quản lý đào tạo/Quản lý đào tạo sau đại học

a) Triển khai xây dựng, cung cấp văn bản, tài liệu và hướng dẫn xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT, đề cương chi tiết học phần; ban hành các hướng dẫn, biểu mẫu cần thiết để thực hiện quy định.

b) Hàng năm triển khai và theo dõi kế hoạch xây dựng, điều chỉnh CTĐT và ĐC CTHP của khoa, bộ môn trong toàn Trường.

c) Quản lý CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần, lưu giữ hồ sơ xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT.

d) Báo cáo và công khai thông tin về CTĐT theo quy định tại Điều 21 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

2. Khoa, bộ môn quản lý chương trình đào tạo

a) Triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra, CTĐT, đề cương chi tiết học phần; thực hiện việc công khai ĐC CTHP cho người học.

b) Tổ chức cho giảng viên xây dựng ĐC CTHP và định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện cập nhật ĐC CTHP trong quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá hết học phần.

c) Chỉ đạo biên soạn và phê duyệt đề cương chi tiết học phần.

d) Chỉ đạo giảng viên tích cực đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; nội dung hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần và phát huy năng lực sáng tạo của người học.

e) Trưởng khoa đào tạo chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của ngành học do khoa quản lý; Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm về chất lượng các học phần do Bộ môn quản lý.

3. Trung tâm Thông tin - Thư viện

Chủ trì phối hợp với các khoa/bộ môn và đơn vị chức năng chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy.

4. Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị

Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học, thực hành, thí nghiệm của người học.

5. Các đơn vị chức năng liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công tham mưu cho Hiệu trưởng phê duyệt các kế hoạch, thanh toán các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

Quy định này thay thế Quy định về xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần ban hành kèm theo Quyết định số 978/QĐ-ĐHHD ngày 16/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Các chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Quyết định số 978/QĐ-ĐHHD ngày 16/05/2022 tiếp tục thực hiện cho các khóa đã tuyển sinh và nhập học trước ngày 30/4/2023. Đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 30/4/2023, các khoa đào tạo quản lý ngành học thực hiện xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành CTĐT, đề cương chi tiết học phần theo quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Nhà trường (qua phòng QLĐT/QLĐT Sau đại học) để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

**Dùng trong xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo,
Đề cương chi tiết học phần đào tạo trình độ đại học**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày tháng năm 2023)

Phụ lục 1_ĐH

Gợi ý việc sử dụng thuật ngữ khi xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra
(Các cấp độ được sắp xếp từ thấp đến cao)

1. Kiến thức

Đối chiếu 06 cấp độ tư duy Bloom để xây dựng, cụ thể như sau:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
Nhớ	Người học có thể nhớ lại những điều đặc biệt/ tổng quát; trọn vẹn/một phần các quy trình, dạng thức, cấu trúc... đã được học.	Nhắc lại, kể lại, mô tả, liệt kê, trình bày, lựa chọn, gọi tên, nhận diện, bố trí, thu thập, định nghĩa, kiểm tra, nhận biết, xác định, trình bày, tường thuật, tái tạo, chọn lọc....	Nhắc lại tên một số hóa chất, tên giống, loài, quy trình, công nghệ, ...
Hiểu	Người học nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.	Giải thích, tóm tắt, phân biệt, mở rộng, khái quát hóa, nhận định, so sánh, sắp xếp, phân loại, liên kết, thay đổi, làm rõ, thảo luận, giải thích, minh họa, suy luận, dự báo, báo cáo, lựa chọn, xem xét, tổng hợp lại, dịch...	Tóm tắt các thời kỳ lịch sử Việt Nam, các nguyên lý, bản chất, quy luật, ...
Vận dụng	Người học có thể áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, một điều kiện cụ thể.	Vận dụng, áp dụng, tính toán, triển khai, tổ chức, giải quyết, xây dựng, biểu diễn, phát hiện, thực hiện, sửa đổi, điều khiển, thay đổi, vận hành, dự báo, chuẩn bị, sản xuất, giải quyết, lựa chọn, lập kế hoạch, lên lịch trình, trình diễn...	Thực hiện thành thạo các thao tác lấy mẫu vi sinh vật, kỹ thuật, kỹ năng, ...
Phân tích	Người học có khả năng chia các nội dung/thông tin thành những phần nhỏ để có thể xác định các yếu tố, mối liên hệ, hoặc các cấu trúc của chúng.	Phân tích, lý giải, so sánh, lập biểu đồ, phân biệt, hệ thống hóa, thẩm định, bố trí, phân loại, so sánh, xác định, thực nghiệm, điều tra, khảo sát...	Phân tích được báo cáo tài chính doanh nghiệp, kế hoạch, dự án, ...
Đánh giá	Người học có khả năng đưa ra nhận định của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có.	Đánh giá, phản biện, cho ý kiến, bình luận, quyết định, khuyến cáo, chỉnh sửa, xếp hạng, dự báo...	Giám sát được việc thi công công trình xây dựng, đánh giá được thuận lợi và khó khăn, hiệu quả, ...
Sáng tạo	Người học có khả năng tạo ra cái mới, xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự thật đã có.	Xây dựng, thiết kế, thiết lập, đề xuất...	- Thiết kế được mạch điện, công nghệ, ...

2. Kỹ năng

Sử dụng 5 cấp độ miền vận động theo bảng phân loại Bloom để xây dựng, cụ thể:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ chuẩn đầu ra
Bắt chước	Người học có thể làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp với hệ thần kinh.	Sao chép, theo dõi, bắt chước, lặp lại, tảo tạo, phỏng theo, phác họa, chép lại, mô phỏng lại...	Lặp lại một điệu múa đã được quan sát, thao tác kỹ thuật....
Thao tác	Người học có thể làm theo một hành động đã được quan sát thường theo sự chỉ dẫn, thể hiện sự phối hợp với hệ thần kinh.	Xây dựng, thực hiện, triển khai, thu nhận, vận hành, tái sản xuất...	Vận hành được các thiết bị một cách an toàn và hiệu quả trong phòng thí nghiệm, thao tác kỹ thuật,....
Chuẩn hóa	Người học có thể thực hiện một hành động với sự chuẩn xác, cân đối và chính xác.	Chứng minh, hoàn thành, hiệu chỉnh, kiểm soát, đạt được, làm chủ, tinh chỉnh, sử dụng...	Chứng minh được sự tính đúng đắn của định luật De Morgan, quy trình công nghệ, chuỗi hoạt động, ...
Phối hợp	Người học có thể thực hiện thành thạo một hành động có sự phối hợp của một loạt các hành động khác.	Giải quyết, thích nghi, kết hợp, phối hợp, tích hợp, hình thành, phát triển, làm chủ, điều chỉnh, sửa đổi, thích nghi...	Kết hợp được nhiều thiết bị để đánh giá được chất lượng sản phẩm, chuỗi liên kết, ...
Tự nhiên hóa	Người học có thể biến một hành động trở thành công việc thường xuyên, từ đó thực hiện một cách tự động, không gò bó...	Xây dựng, biên soạn, tạo ra, thiết kế, chỉ rõ, quản lý, phát minh, khởi tạo, sáng tạo, tự nhiên hóa, sản xuất...	Xây dựng được một học thuyết mới, quy trình, công nghệ mới, ...

3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Sử dụng 5 cấp độ miền vận động theo bảng phân loại Bloom để xây dựng. Cụ thể:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
Tiếp nhận	Người học tiếp nhận thông tin một cách tự nguyện hoặc chú tâm...	Hỏi, lựa chọn, diễn tả, theo dõi, quan tâm, chăm chú, tham dự, nhận định, tiếp nhận, thừa nhận, lắng nghe, thấu hiểu.	Lắng nghe ý kiến của người khác với sự tôn trọng, ...
Đáp ứng	Người học được lôi cuốn vào một chủ đề/hoạt động/ sự kiện từ đó mở rộng việc tìm tòi, làm việc với nó và tham gia vào đó.	Phản ứng, trả lời, xem xét, làm rõ, giải thích, dẫn chứng, đóng góp, thảo luận, đặt câu hỏi, trình bày, trích dẫn, viết, hợp tác, tuân theo, hỗ trợ, giúp đỡ, thực hiện, tham gia..	- Tham gia thảo luận nhóm. Trình bày hiệu quả trước đám đông, ...
Hình thành giá trị	Người học có khả năng hình thành một mục tiêu, tư tưởng, niềm tin... nào đó.	Tranh luận, bác bỏ, phản biện, biện minh, chứng minh, thuyết phục, phê phán, đề xuất, đóng góp, khởi xướng, chia sẻ, nghiên cứu, công hiến.	Nghiên cứu một loại dược phẩm mới, công nghệ mới, ...
Tổ chức	Người học có khả năng tổ	Mã hóa, xây dựng, phát triển,	Hình thành được

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
	chức các giá trị thành một hệ thống, có sự nhận thức hoặc sự xác đáng và các mối quan hệ của các giá trị phù hợp, và xây dựng nên các giá trị cá nhân nổi bật.	hình thành, bảo vệ, liên quan, ưu tiên, đối chiếu, tương phản, sắp xếp, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, tích hợp, tổ chức.	sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, có kỹ năng tổ chức các hoạt động, hội thảo, triển khai dự án, đề án, ...
Đặc trưng hóa các giá trị	Người học có khả năng tích hợp các niềm tin, tư tưởng và thái độ thành một triết lí tổng thể hoặc tầm nhìn rộng như thế giới quan.	Tiếp thu, sử dụng, hành động, ảnh hưởng, phân biệt, điều chỉnh, duy trì, thể hiện, thực hành, cam kết, giải quyết.	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý, khả năng của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp, ...

Phụ lục 2_ĐH

Chương trình đào tạo
UBND TỈNH THANH HÓA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):
Tên chương trình (Tiếng Anh):
Trình độ đào tạo: *Đại học*
Mã ngành đào tạo: *(Ghi theo mã ngành tuyển sinh)*
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:
Đối tượng tuyển sinh: *Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT*
Thời gian đào tạo: *(4/4,5 năm)*
Hình thức đào tạo: *(Chính quy)*
Số tín chỉ yêu cầu: *(Ghi cụ thể)*
Điều kiện tốt nghiệp: *Ghi theo quy định đào tạo hiện hành*
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp: *Cử nhân sư phạm/cử nhân/kỹ sư*
Vị trí làm việc: *(Mô tả theo vị trí việc làm người học tốt nghiệp CTĐT có thể làm được)*
Khả năng học tập nâng cao trình độ: *Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước*
Chương trình tham khảo: *(Ghi cụ thể các chương trình đã được tham khảo để xây dựng)*

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung *(Khái quát được mục tiêu của chương trình-không quá 150 từ)*

Căn cứ vào để xác định: Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Hồng Đức và Luật Giáo dục Đại học.

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016);

- Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT);

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Xác định những mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PO1, PO2, ... POn để xác định; không quá 9 mục tiêu);

2.1.2.1. Kiến thức

2.1.2.2. Kỹ năng

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.2. Chuẩn đầu ra

Trên cơ sở mục tiêu đào tạo thiết kế bảng mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLO) với mục tiêu (PO), từ đó xác định những chuẩn đầu ra của CTĐT gắn với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PLO1, PLO2, ... PLOn; không quá 15 chuẩn).

- 2. 2.1. Kiến thức
- 2. 2.2. Kỹ năng
- 2. 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	BM Quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG									
I	Lý luận chính trị		13							
1	Triết học Mác-Lênin		3							
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		2							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2							
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2							
5	Tư tưởng HCM		2							
6	Pháp luật đại cương		2							
II	Khoa học xã hội- nhân văn									
	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		3							
	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2							
III	Khoa học tự nhiên-công nghệ									
	Công nghệ số		3							
IV	Ngoại ngữ		10							
							1			
							2			
							3			
IV	Giáo dục thể chất		4							
V	Giáo dục quốc phòng		165							
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP									
I	Kiến thức cơ sở									
II	Kiến thức ngành									
III	Kiến thức bổ trợ									
IV	TT TN, Khoá luận/học phần thay thế									
	Tổng									

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ:... số tín chỉ..... (bắt buộc:....., tự chọn:...)								
Học kỳ:... số tín chỉ..... (bắt buộc:....., tự chọn:...)								

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư			
2	Phó giáo sư			
3	Tiến sỹ			
4	Thạc sỹ			
5	Đại học			

5.2. Phòng học: Liệt kê phòng học/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình.

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan: Liệt kê các phòng thí nghiệm/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình (nếu có).

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1		
2		

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình.

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	
2	

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Thực hiện xây dựng tất cả các học phần và sắp xếp theo đúng thứ tự tại mục III)

Học phần 1. Tên học phần tiếng Việt/tiếng Anh

- Số tín chỉ:
- Mã học phần:
- Bộ môn quản lý học phần:
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

2. Mục tiêu học phần

- CO1
- CO...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1:
- CLO...

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

5. Phương pháp dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (*thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm thực hành, tham quan, nghiên cứu tình huống,...*).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần/ vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/thảo luận....	Rubric...	CLO...	30%
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/thảo luận....	Rubric...	CLO...	
3			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/thảo luận....	Rubric...	CLO...	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/thảo luận....	Rubric...	CLO...	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

VD: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

1) Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản

2)

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Liệt kê các TLTK, CTĐT đã tham khảo để XD chương trình. Copy cả file và đường link (nếu có).

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 3_DH

Bản mô tả chương trình đào tạo

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành:.....Trình độ:.....

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

Giới thiệu về quá trình xây dựng giáo dục lần đầu, qua những lần điều chỉnh nào (năm điều chỉnh), chương trình được tham khảo những chương trình nào khác (liệt kê các CTĐT của các cơ sở giáo dục khác).

Giới thiệu khái quát về chương trình (Khối kiến thức chung, khối kiến thức ngành/chuyên ngành, số tín chỉ, số tín chỉ tự chọn, tổng số tiết lý thuyết, thảo luận, BT, TH, kiến tập, thực tập...);

Giới thiệu về đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn,...), cơ sở vật chất (phòng học, thực hành, thí nghiệm, tài liệu,...).

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):

Tên chương trình (Tiếng Anh):

Trình độ đào tạo:

Đại học

Mã ngành đào tạo:

(Ghi theo mã ngành tuyển sinh)

Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:

Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

Thời gian đào tạo:

(4/4,5 năm)

Hình thức đào tạo:

(Chính quy)

Số tín chỉ yêu cầu:

(Ghi cụ thể)

Điều kiện tốt nghiệp:

Ghi theo quy định đào tạo hiện hành

Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:

Cử nhân sư phạm/cử nhân/kỹ sư

Vị trí làm việc:

(Mô tả theo vị trí việc làm người học tốt nghiệp CTĐT có thể làm được)

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước

Chương trình tham khảo:

(Ghi cụ thể các chương trình đã được tham khảo để xây dựng)

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình (Nội dung tương tự chương trình đào tạo)

3.1. Mục tiêu chung: (Khái quát được mục tiêu của CTĐT, không quá 150 từ)

Căn cứ vào để xác định: Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Hồng Đức và Luật Giáo dục Đại học.

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016);

- Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT);

3.2. Mục tiêu cụ thể: Xác định những mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PO1, PO2, ... P_{Om} để xác định; không quá 9 mục tiêu);

2.1.2.1. Kiến thức

2.1.2.2. Kỹ năng

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Trên cơ sở mục tiêu đào tạo thiết kế bảng mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLO) với mục tiêu (PO), từ đó xác định những chuẩn đầu ra của CTĐT gắn với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PLO1, PLO2, ... PLO_m; không quá 15 chuẩn).

4.1. Kiến thức

4.2. Kỹ năng

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

5. Chuẩn đầu vào của chương trình

Xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực phù hợp với ngành, định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể hoàn thành chương trình theo đúng thời gian quy định.

Căn cứ để viết:

- Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT có liên quan với mục tiêu (PO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm:

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT								
	Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PO1	PO2		PO..	PO..		PO...	PO..	
PLO1									
PLO2									
PLO3									
...									
PLO _m									

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

Liệt kê những phương pháp dạy học....

Có thể khai thác sử dụng một số nhóm PP dạy học gợi ý như sau:

+ Nhóm PP dạy-học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);

+ Nhóm PP dạy-học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)

+ Nhóm PP dạy-học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);

- + Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy-học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).

7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

Liệt kê các phương pháp, hình thức được sử dụng để kiểm tra đánh giá.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung,... tín chỉ	Bắt buộc	
		Tự chọn	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp,... tín chỉ	Bắt buộc	
		Tự chọn	
3	Kiến thức bổ trợ,... tín chỉ	Bắt buộc	
		Tự chọn	
4	Kiến thức rèn nghề, thực tập..... tín chỉ	Bắt buộc	
		Tự chọn	
5	Khóa luận/học phần thay thế,... tín chỉ	Bắt buộc	
		Tự chọn	
Tổng số: TC			

2. Mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			- Nội dung học phần: - Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được: (liệt kê các chuẩn đầu ra của HP)	<i>Liệt kê không quá 01 bộ giáo trình chính và 2 tài liệu tham khảo theo đúng quy định</i>

Được tách ra từ bảng III của chương trình đào tạo và trình bày theo mẫu

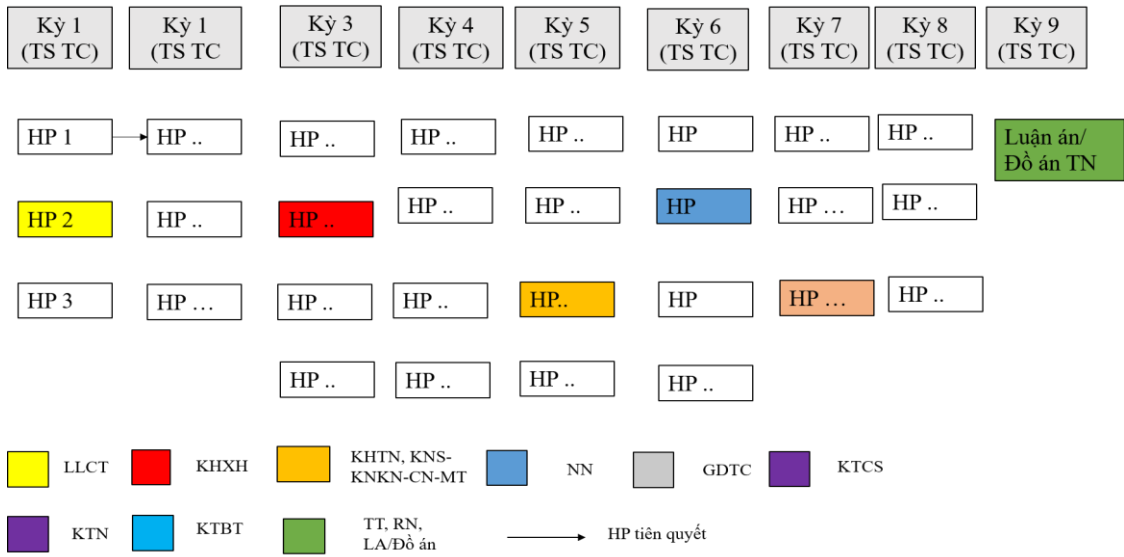
3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
...
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
...

tách từ bảng III của chương trình đào tạo và trình bày theo mẫu

4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

(Cây đào tạo thể hiện mối liên hệ giữa các học phần với việc triển khai kế hoạch dạy học)



5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

Mối quan hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra CTĐT (PLO).

Tên HP	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO...	PLO...	PLO..	PLO...	PLO...	PLO...	PLO...
HP1									
HP2									
HP3									
...									

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4 _ĐH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(ĐC CTHP in trên giấy A4, phông chữ Times New Roman 13, cách dòng 1,1 theo mẫu quy định)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN:.....

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:		Mã học phần...
Tên tiếng Việt:		
Tên tiếng Anh:		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương; <input type="checkbox"/> Giáo dục chuyên nghiệp		
<input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		
Số tín chỉ:		
Số tiết lý thuyết:		Số tiết thảo luận:
Số tiết thực hành:		Số tiết tự học:
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết:		
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần		

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
				Phụ trách
				Tham gia
				Trợ giảng (nếu có)

3. Mô tả học phần (Tóm tắt các nội dung chính của học phần)

4. Mục tiêu học phần

- CO1
- CO...

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Các chuẩn đầu ra (CLO) của học phần có liên quan với CDR (PLO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm

CDR HP (CLOx)	Mô tả chi tiết CDR HP	CDR CTĐT liên quan (PLO)
CLO1		PLOx,y
CLO2		
....		

6. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản

Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

- Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản

7. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần/ vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/thảo luận....	Rubric...	CLO...	30%
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/TL	Rubric...	CLO...	
3			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/TL	Rubric...	CLO...	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết/thuyết trình/TL	Rubric...	CLO...	50%

(Phụ lục rubric đánh giá kèm theo)

8. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Giảng viên xây dựng nội dung và hình thức tổ chức dạy học theo từng chương của học phần

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CĐR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
		Lí thuyết			
		Thảo luận/BT			
		Thực hành			
		Khác			
		Tự học			
		KT - ĐG			

9. Quy định đối với sinh viên: Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

10. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

11. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 Ngày tháng năm	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 Ngày tháng năm	Người cập nhật

Ngày tháng năm

Trưởng khoa phê duyệt
(kí và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

Trưởng bộ môn
(kí và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(kí và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho học viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho học viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.

(2) Phiếu đánh giá đề cương chi tiết học phần, biên bản nghiệm thu đề cương chi tiết học phần đóng kèm cuối cuốn đề cương chi tiết học phần để dễ dàng kiểm soát và phục vụ minh chứng kiểm tra đánh giá.

Phụ lục 5_DH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA ...
BỘ MÔN ... _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÁC NHẬN KẾT QUẢ BIÊN SOẠN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm học 202... - 202...

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Dùng cho khóa K..., ngành...	GV biên soạn	Xây dựng mới	Chỉnh sửa	Ghi chú

*Thanh Hóa, ngày ...
tháng ... năm 202...*

PHÒNG QL ĐÀO TẠO

**XÁC NHẬN CỦA LĐ
KHOA**

**XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG BỘ MÔN**

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Đề cương chi tiết học phần (ĐC CTHP) do giảng viên hoặc nhóm giảng viên cùng phụ trách một học phần biên soạn dưới sự chỉ đạo của Tổ trưởng bộ môn (theo mẫu). Để các bộ môn có thể cung cấp các thông tin quan trọng một cách tương đối thống nhất, Nhà trường hướng dẫn một số điểm như sau:

Mục 1. Thông tin về học phần

Ghi đầy đủ thông tin các mục tương ứng.

Học phần tiên quyết là các học phần cung cấp kiến thức nền cho học phần này và phải được dạy trước. Học phần kế tiếp là các học phần mà học phần này là học phần tiên quyết, tức là học phần này cung cấp kiến thức nền cho các học phần đó.

Mục 2. Thông tin về giảng viên

Ghi đầy đủ thông tin các mục tương ứng.

Mục 3. Mô tả tóm tắt học phần

Tóm tắt những nội dung chính của học phần (khoảng 110-140 từ).

Mục 4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra học phần là sự cụ thể hóa các kết quả đạt được sau khi hoàn thành học phần (Đây là thành tố nhằm đạt CDR của chương trình đào tạo). Chuẩn đầu ra học phần phải được xác định rõ ràng cho cả 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Khi xây dựng chuẩn đầu ra của học phần, căn cứ mục tiêu học phần (*đã gắn với chuẩn đầu ra của CTĐT để mô tả kết quả mong muốn đạt được*).

Ví dụ: Chuẩn đầu ra học phần (Kỹ năng quản trị)

Sau khi hoàn thành chương trình học, người học có các chuẩn đầu ra sau: Nhiều CDR

CLO	Chuẩn đầu ra học phần	PLO
1	Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về các kỹ năng quản trị vào quá trình điều hành.	4
2	Xây dựng và vận hành được bản kế hoạch tự quản trị; bản kế hoạch quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.	5
3	Đánh giá và phân tích được nhu cầu của nhân viên từ đó xây dựng được kế hoạch tạo động lực cho nhân viên trong doanh nghiệp.	5
4	Đề xuất được các ý tưởng đổi mới sáng tạo trong quản trị và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học.	7,8
5	Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị doanh nghiệp.	7,8
6	Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học; Lựa chọn và định hình được thương hiệu cá nhân. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.	8,9

Mục 5. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Gồm giáo trình/bộ giáo trình chính (01) và tài liệu/bộ tài liệu tham khảo (không quá 2). Ghi tên tác giả, tên tài liệu, năm xuất bản, nhà xuất bản; các website, các loại băng hình, băng tiếng theo thứ tự ưu tiên.

Mục 6. Đánh giá kết quả học tập

Có 03 hình thức kiểm tra đánh giá

(1) **Kiểm tra thường xuyên** (Trọng số 30%). Kiểm tra thường xuyên được tiến hành trong suốt thời gian dạy-học học phần, trong giờ lí thuyết, thảo luận, thực hành..., kể cả ngoài giờ học, trong giờ tư vấn cho sinh viên bằng nhiều hình thức, kỹ thuật phong phú, đa dạng, tạo động lực, hứng thú cho sinh viên học tập, nghiên cứu học phần và cũng giúp giảng viên có những thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. Kiểm tra thường

xuyên phải được kết hợp với các giờ học, là **bộ phận cấu thành của các phương pháp dạy học**, không gắn với tên sinh viên cụ thể, chỉ nhằm định hướng cho hoạt động học, nghiên cứu môn học và cũng là để điều chỉnh hoạt động của giảng. KTĐG thường xuyên thường dùng để định hướng, tạo động lực cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Số bài kiểm tra – đánh giá thường xuyên bằng số tín chỉ của học phần + 01.

(2) **Kiểm tra giữa kỳ** (trọng số 20%). Đối với các học phần có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng 2 thì phải áp dụng hình thức KTĐG giữa kỳ (20%) nhằm đánh giá tổng hợp các mục tiêu nhận thức và các kỹ năng giai đoạn giữa học phần.

Lưu ý: Cần đánh giá mức độ vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

(3) **Thi kết thúc học phần** (Trọng số 50%). Đây là bài đánh giá quan trọng nhất của học phần nhằm đánh giá toàn diện chuẩn đầu ra của học phần. Cách thực hiện là cách thức tiến hành thi đánh giá (Bài tập lớn, vấn đáp, lý thuyết, trắc nghiệm,...). Phương pháp đánh giá phải phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.

Đối với mỗi hình thức đánh giá, giảng viên phải xây dựng các tiêu chí đánh giá cho mỗi loại nhằm giúp sinh viên định hướng được cần phải thực hiện các bài kiểm, thi tra như thế nào, trong đó chú ý đánh giá các nội dung liên quan phần tự học của sinh viên. Đồng thời sinh viên có thể tự đánh giá được mức độ hoàn thành yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá.

Lưu ý: Các phương pháp kiểm tra đánh giá phải kèm theo phụ lục rubric tiêu chí đánh giá

Mục 7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Đây là thông tin rất quan trọng đối với giảng viên, sinh viên và người quản lí. Do đặc thù của hình thức tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dưới các hình thức: lý thuyết, thảo luận/bài tập, thực hành, tự học, khác. Ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. Lưu ý rằng để chuẩn bị cho 01 giờ lý thuyết sinh viên cần 02 giờ chuẩn bị ở nhà, cho 02 giờ thực hành cần 01 giờ chuẩn bị, hoặc 03 giờ tự học (đối với 01 giờ tín chỉ ở mỗi hình thức dạy học).

Giảng viên xác định nội dung chính, số tiết, hình thức dạy học tương ứng, gắn với chuẩn đầu ra của học phần mà sinh viên đạt được khi hoàn thành nội dung, tài liệu tham khảo, công việc sinh viên cần chuẩn bị trước khi đến lớp.

Lưu ý: Mỗi học phần dành không dưới 40% số giờ để tổ chức thảo luận, bài tập và thực hành nhằm giúp sinh viên vận dụng được kiến thức lý thuyết giải quyết những vấn đề trong thực tiễn.

Mục 8. Quy định đối với sinh viên

Nêu rõ những yêu cầu của GV đối với SV trong quá trình học tập.

Mục 9. Các yêu cầu khác của giảng viên.

Giảng viên cung cấp các yêu cầu khác đối với sinh viên như tinh thần, thái độ, các thủ tục học lại, thi lại.

Mục 10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Giảng viên cập nhật các mốc thời gian thay đổi đề cương chi tiết học phần./.

Phụ lục 6_DH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (ĐCCTHP)

Tên học phần (HP):
Ngành/khoá đào tạo:
Mã số học phần:; Số tín chỉ:
Họ tên GV/nhóm GV biên soạn (học vị, đơn vị):
Bộ môn phụ trách HP (tên, địa chỉ):
Họ tên lãnh đạo (Bộ môn, Khoa) phê duyệt:
Họ tên GV đánh giá (học vị, đơn vị):

I. Phần đánh giá chung:

1.1. Hội thảo biên soạn ĐCCTHP:

- Có tổ chức hội thảo (HT) (ngày .../.../ 20....); Không HT; Chưa xác định HT
- Hồ sơ hội thảo đầy đủ; Hồ sơ hội thảo chưa đầy đủ; Không có hồ sơ hội thảo
Đánh giá, đề nghị:

1.2. Ý kiến đóng góp của các bên liên quan (Giảng viên, SV đã học học phần, chuyên gia):

- Có lấy ý kiến; Không lấy ý kiến; Chưa xác định;
- Hồ sơ về ý kiến: Đầy đủ; Chưa đầy đủ; Không có.

Đánh giá, đề nghị:

1.3. Ký duyệt, phát hành:

- Có ngày ký duyệt bản in: (.../.../20...); Không đầy đủ; Không có.
- Chữ ký người soạn, người duyệt bản in lưu: Đủ; Còn thiếu; Không có.

Đánh giá, đề nghị:

1.4. Cấu trúc theo mẫu do Nhà trường ban hành:

Đúng mẫu; Đúng mẫu nhưng còn thiếu.

Đánh giá, đề nghị:

1.5. Thông tin chung về học phần:

- Học phần (HP) bắt buộc; HP tự chọn; Số HP tiên quyết;
- Số giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Lý thuyết; Thảo luận; Hoạt động nhóm; Làm bài trên lớp; Thực hành - thực tập; Tự học; Khác.....

Kết luận: Đúng quy định trong chương trình; Có sai khác; Thiếu thông tin

Đánh giá, đề nghị:

1.6. Thông tin về GV/nhóm GV/trợ giảng: Đầy đủ; Còn thiếu

Đánh giá, đề nghị:

II. Phần đánh giá nội dung ĐCCTHP:

2.1. Chuẩn đầu ra học phần:

- CĐR phù hợp với CĐR CTĐT; Một số MT chưa phù hợp; Nhiều MT chưa phù hợp
Đánh giá, đề nghị:

2.2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Đầy đủ, đúng quy định; Chưa đầy đủ; Chưa đúng quy định

Đánh giá, đề nghị:

2.3. Nội dung chi tiết HP:

- Nội dung đúng, đủ, hợp lý; Một số ND chưa hợp lý; Nhiều ND chưa hợp lý

Đánh giá, đề nghị:

2.4. Tài liệu dạy học:

- Đầy đủ theo quy định; Còn thiếu; Quá nhiều.

Đánh giá, đề nghị:

2.5. Đánh giá kết quả học tập:

- Số bài KTĐG thường xuyên

- Các hình thức KTĐG:

.....

- Mức độ phù hợp giữa hình thức đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

- Phù hợp; Tương đối phù hợp; Chưa phù hợp.

Đánh giá, đề nghị:

2.6. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học:

- Sự phù hợp giữa nội dung dạy học với hình thức dạy học:

- Phù hợp; Tương đối phù hợp; Chưa phù hợp.

- Sự phù hợp giữa nội dung dạy học với việc đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

- Phù hợp; Tương đối phù hợp; Chưa phù hợp.

Đánh giá, đề nghị:

2.7. Quy định đối với sinh viên:

- Các quy định về chuyên cần, thái độ hoàn thành nhiệm vụ đối với SV:

- Có đầy đủ; Chưa đầy đủ; Không có.

- Các quy định phù hợp với quy chế đào tạo và yêu cầu của HP:

- Phù hợp; Một số QĐ chưa phù hợp; Nhiều QĐ chưa phù hợp.

Đánh giá, đề nghị:

2.8. Các yêu cầu khác của giảng viên:

- Phù hợp; Tương đối phù hợp; Chưa phù hợp.

III. Kết luận và đề nghị:

3.1. Kết luận: ĐCCTHP đảm bảo các yêu cầu

- Đảm bảo các yêu cầu nhưng còn tồn tại cần điều chỉnh;

- Chưa đảm bảo các yêu cầu, cần thẩm định lại.

3.2. Đề nghị:

.....

Ngày tháng năm 20....

Người đánh giá ĐCCTHP

KHOA
BỘ MÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Phần chung

1. Hội đồng nghiệm thu đề cương chi tiết gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

2. Hội đồng họp vào hồi ...h... ngày ... tháng ... năm 202... tại phòng:.....
Bộ môn, tầng, nhà A....., Đại học Hồng Đức.

3. Nội dung: Hội đồng họp nghiệm thu đề cương chi tiết học phần theo học chế tín chỉ.

- Tên học phần:
- Số tín chỉ:
- Ngành đào tạo:

II. Phần nhận xét

Sau khi nghe tác giả trình bày nội dung đề cương chi tiết học phần, Hội đồng nhận xét, thảo luận, góp ý và thống nhất một số ý kiến sau:

- Về hình thức:
- Về cấu trúc:
- Về nội dung:.....

.....
(Nội dung phù hợp với chương trình đào tạo chuyên ngành và theo định hướng giúp người học tự học, tự nghiên cứu. Các rubric được sử dụng trong việc đánh giá kết quả học phần là đầy đủ, chi tiết và phù hợp với đặc thù của học phần....)

III. Kết luận

Hội đồng thống nhất thông qua đề cương chi tiết trên và đề nghị nhà trường thông qua để giảng dạy bắt đầu từ năm học

Buổi họp kết thúc hồi ...h... cùng ngày.

Thư kí Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Phụ lục 8_DH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA ...

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN ... _____

XÁC NHẬN KẾT QUẢ BIÊN SOẠN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm học 202... - 202...

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Dùng cho khóa K..., ngành...	GV biên soạn	Xây dựng mới	Chỉnh sửa	Ghi chú

Thanh Hóa, ngày ... tháng ... năm 202...

PHÒNG QL ĐÀO TẠO

XÁC NHẬN CỦA LĐ
KHOA

XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG BỘ MÔN

Gợi ý các rubric đánh giá

1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt \geq 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

2. Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

3. Đánh giá bài tập cá nhân/thực hành/tự học

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.	Mới chỉ nêu được tương.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

4. Đánh giá thuyết trình theo nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề
Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có sáng tạo. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Làm việc nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

5. Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

Phụ lục 9_ĐH

**Các mẫu hồ sơ phục vụ rà soát, thẩm định chương trình đào tạo,
đề cương chi tiết học phần**

Biểu 1_ĐH

TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Nội dung cần điều chỉnh Chương trình đào tạo ngành.....

- Chương trình đào tạo ngành hiện hành:
 - + Tên chương trình đào tạo:
 - + Quyết định số...../QĐ-ĐHHD ngày / / của Hiệu trưởng;
- Nêu những luận cứ, hồ sơ minh chứng sự cần thiết phải điều chỉnh CTĐT:
- Những nội dung đề nghị được điều chỉnh, cập nhật CTĐT:

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do
1			
2			
...			

Ý kiến của Hội đồng khoa

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Trưởng Bộ môn

Biểu 2 _ĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúcBỘ MÔN:.....**BÁO CÁO****Kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo khác
(Phục vụ để xây dựng mới/điều chỉnh CTĐT)**

Tên ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Mã ngành:

Đơn vị xây dựng:

Tổng số TC:

Tổng số học phần:

1. Các chương trình đào tạo đã tham khảo:

Liệt kê chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước (có đường link tham khảo) và đánh giá mức độ tham khảo (tỷ lệ giống nhau, mức độ tham khảo, nội dung/học phần/phần kiến thức...) để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo mới hoặc cập nhật.

2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước**2.1.1. Mục tiêu chương trình đào tạo**

CTĐT ngành.... Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	...
Mục tiêu chung			
Mục tiêu cụ thể			

Nhận xét:**2.1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	...
Kiến thức			
Kỹ năng			
Mức tự chủ và trách nhiệm			

Nhận xét:**2.1.3. Khung chương trình đào tạo**

Nội dung	Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	
Thời gian đào tạo				
Tổng số TC				
+ Khối kiến thức giáo dục đại cương				
+ Khối kiến thức GDCN				

Nội dung	Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	
+ Kiến thức bổ trợ				
Thực tập/rèn nghề				
Luận án/Đồ án TN				

Nhận xét:

2.1.4. Các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Tên các HP (Trường ĐHHĐ)	Trường ĐH A	Trường ĐH B	
A	Kiến thức GDĐC			
B	Kiến thức GDCN			

Ghi chú: tích dấu (✓) vào các dòng tương ứng nếu CTĐT của trường nào cũng có tên HP đó.

Nhận xét

:

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...

HĐ xây dựng CTĐT

PHỤ LỤC

(Các minh chứng về CTĐT đã tham khảo nếu có bản cứng in kèm)

Biểu 3_ĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN:.....

BÁO CÁO

Kết quả quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành.....

1. Kết quả khảo sát, lấy ý kiến về chương trình đào tạo

1.1. Từ nhà sử dụng lao động (địa chỉ, số phiếu):

1.2. Nhà khoa học chuyên môn (địa chỉ, số phiếu):

1.3. Giảng viên (địa chỉ, số phiếu):

1.4. Sinh viên tốt nghiệp (địa chỉ, số phiếu):

1.5. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến để làm cơ sở xây dựng CTĐT, chuẩn đầu ra.

2. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo

Từ các trường đại học trong nước và quốc tế: Danh mục và nội dung (file, link gốc) các CTĐT của các trường đại học có uy tín ở trong nước và quốc tế mà tổ soạn thảo đã tham khảo.

3. Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ, số tín chỉ phân bổ trong từng học kỳ
- Số tín chỉ của các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần bắt buộc, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần tự chọn, tỷ lệ

Thanh Hóa, ngày.....thángnăm 20....

HĐ xây dựng CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 4 ĐHTRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Khoa.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bộ môn.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN**Giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ dạy-học các học phần**

Thuộc chương trình đào tạo Ngành

Mã ngành:

TT	Tên học phần	Giáo trình, tài liệu tham khảo	Thư viện	
			Có	Không
		* Giáo trình chính		
		Tên tác giả (năm xuất bản), <i>tên tài liệu</i> , nhà xuất bản		
		* Tài liệu tham khảo		
		Tên tác giả (năm xuất bản), <i>tên tài liệu</i> , nhà xuất bản		
		* Giáo trình chính		
		* Tài liệu tham khảo		

Ghi chú:

- Tên học phần để theo thứ tự trong bảng **II.2. Danh sách và mô tả các học** (của bản mô tả chương trình đào tạo).

- Những tài liệu dạy học thuộc danh mục TLDH trong CTĐT do tổ soạn thảo lập có trong thư viện sẽ tích dấu (✓) vào mục có hoặc không./.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

TT THÔNG TIN THƯ VIỆN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

HD XÂY DỰNG CTĐT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 5_ĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA:.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN:.....

BẢNG TỔNG HỢP**Các học phần tương đương giữa chương trình đào tạo năm 20....
so với năm 20....**

Tên chương trình đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

TT	CTĐT năm 20... (CTĐT đã phê duyệt)	Số TC	CTĐT năm 20..... (CTĐT đề nghị điều chỉnh)	Số TC
1				
2				
3				
4				
5				

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Ý kiến Hội đồng khoa

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Tổ trưởng Bộ môn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 6 __ĐH

Biên bản họp thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo (cấp khoa)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khoa..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN HỌP NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ:.....

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

- 1. Thời gian, địa điểm:.....
- 2. Thành phần:.....
- 3. Chủ tọa:.....
- 4. Thư ký:.....

II. NỘI DUNG HỌP

1. Tổ soạn thảo CTĐT báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng (kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV, giảng viên; nội dung điều chỉnh, bổ sung, cập nhật; chuẩn đầu ra của CTĐT) và tóm tắt nội dung chương trình đào tạo trình độ ĐH, ngành.....

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa

2.1. Các phản biện đọc nhận xét

.....
.....

2.2. Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi, góp ý

.....
.....

3. Trả lời của Tổ soạn thảo CTĐT:

.....
.....

4. Kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa

.....
.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20...

Chữ ký của các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa:

1: **Thư ký Hội đồng** **Chủ tịch Hội đồng**

.....
2:

.....
3:

Biểu 7__ĐH:

Báo cáo giải trình chỉnh sửa sau họp hội đồng thẩm định

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 202

BÁO CÁO

**Giải trình chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng
thẩm định chương trình đào tạo ngành.....**

Ngày.....tháng.....năm 202, Nhà trường đã tổ chức Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành.....

Theo góp ý của Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng CTĐT chúng tôi đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa các nội dung theo góp ý, cụ thể như sau:

STT	Nội dung Hội đồng thẩm định góp ý	Nội dung chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng	Lý giải

XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CTĐT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

HĐ XÂY DỰNG CTĐT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ:

Ngành đào tạo:

Mã số:

Thanh Hóa, Tháng năm 20

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ:

Ngành đào tạo:

Mã số:

Thanh Hóa, Tháng năm 20

PHỤ LỤC

Dùng trong xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết học phần đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD ngày tháng năm 2023)

Phụ lục 1 SĐH

Gợi ý việc sử dụng thuật ngữ khi xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ/tiến sĩ

(Các cấp độ được sắp xếp từ thấp đến cao)

1. Kiến thức

Đối chiếu 06 cấp độ tư duy Bloom để xây dựng, cụ thể như sau:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
Nhớ	Người học có thể nhớ lại những điều đặc biệt/ tổng quát; trọn vẹn/một phần các quy trình, dạng thức, cấu trúc... đã được học.	Nhắc lại, kể lại, mô tả, liệt kê, trình bày, lựa chọn, gọi tên, nhận diện, bố trí, thu thập, định nghĩa, kiểm tra, nhận biết, xác định, trình bày, tường thuật, tái tạo, chọn lọc....	Nhắc lại tên một số hóa chất, tên giống, loài, quy trình, công nghệ, ...
Hiểu	Người học nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.	Giải thích, tóm tắt, phân biệt, mở rộng, khái quát hóa, nhận định, so sánh, sắp xếp, phân loại, liên kết, thay đổi, làm rõ, thảo luận, giải thích, minh họa, suy luận, dự báo, báo cáo, lựa chọn, xem xét, tổng hợp lại, dịch...	Tóm tắt các thời kỳ lịch sử Việt Nam, các nguyên lý, bản chất, quy luật, ...
Vận dụng	Người học có thể áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, một điều kiện cụ thể.	Vận dụng, áp dụng, tính toán, triển khai, tổ chức, giải quyết, xây dựng, biểu diễn, phát hiện, thực hiện, sửa đổi, điều khiển, thay đổi, vận hành, dự báo, chuẩn bị, sản xuất, giải quyết, lựa chọn, lập kế hoạch, lên lịch trình, trình diễn...	Thực hiện thành thạo các thao tác lấy mẫu vi sinh vật, kỹ thuật, kỹ năng, ...
Phân tích	Người học có khả năng chia các nội dung/thông tin thành những phần nhỏ để có thể xác định các yếu tố, mối liên hệ, hoặc các cấu trúc của chúng.	Phân tích, lý giải, so sánh, lập biểu đồ, phân biệt, hệ thống hóa, thẩm định, bố trí, phân loại, so sánh, xác định, thực nghiệm, điều tra, khảo sát...	Phân tích được báo cáo tài chính doanh nghiệp, kế hoạch, dự án, ...
Đánh giá	Người học có khả năng đưa ra nhận định của bản thân đối với một vấn đề dựa trên các chuẩn mực, các tiêu chí đã có.	Đánh giá, phản biện, cho ý kiến, bình luận, quyết định, khuyến cáo, chỉnh sửa, xếp hạng, dự báo...	Giám sát được việc thi công công trình xây dựng, đánh giá được thuận lợi và khó khăn, hiệu quả,...
Sáng tạo	Người học có khả năng tạo ra cái mới, xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự thật đã có.	Xây dựng, thiết kế, thiết lập, đề xuất...	- Thiết kế được mạch điện, công nghệ, ...

2. Kỹ năng

Sử dụng 5 cấp độ miền vận động theo bảng phân loại Bloom để xây dựng, cụ thể:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ chuẩn đầu ra
Bắt chước	Người học có thể làm theo một hành động đã được quan sát nhưng thiếu sự phối hợp với hệ thần kinh.	Sao chép, theo dõi, bắt chước, lặp lại, tảo tạo, phỏng theo, phác họa, chép lại, mô phỏng lại...	Lặp lại một điệu múa đã được quan sát, thao tác kỹ thuật....
Thao tác	Người học có thể làm theo một hành động đã được quan sát thường theo sự chỉ dẫn, thể hiện sự phối hợp với hệ thần kinh.	Xây dựng, thực hiện, triển khai, thu nhận, vận hành, tái sản xuất...	Vận hành được các thiết bị một cách an toàn và hiệu quả trong phòng thí nghiệm, thao tác kỹ thuật,....
Chuẩn hóa	Người học có thể thực hiện một hành động với sự chuẩn xác, cân đối và chính xác.	Chứng minh, hoàn thành, hiệu chỉnh, kiểm soát, đạt được, làm chủ, tinh chỉnh, sử dụng...	Chứng minh được sự tính đúng đắn của định luật De Morgan, quy trình công nghệ, chuỗi hoạt động, ...
Phối hợp	Người học có thể thực hiện thành thạo một hành động có sự phối hợp của một loạt các hành động khác.	Giải quyết, thích nghi, kết hợp, phối hợp, tích hợp, hình thành, phát triển, làm chủ, điều chỉnh, sửa đổi, thích nghi...	Kết hợp được nhiều thiết bị để đánh giá được chất lượng sản phẩm, chuỗi liên kết, ...
Tự nhiên hóa	Người học có thể biến một hành động trở thành công việc thường xuyên, từ đó thực hiện một cách tự động, không gò bó...	Xây dựng, biên soạn, tạo ra, thiết kế, chỉ rõ, quản lý, phát minh, khởi tạo, sáng tạo, tự nhiên hóa, sản xuất...	Xây dựng được một học thuyết mới, quy trình, công nghệ mới, ...

3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Sử dụng 5 cấp độ miền vận động theo bảng phân loại Bloom để xây dựng. Cụ thể:

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
Tiếp nhận	Người học tiếp nhận thông tin một cách tự nguyện hoặc chú tâm...	Hỏi, lựa chọn, diễn tả, theo dõi, quan tâm, chăm chú, tham dự, nhận định, tiếp nhận, thừa nhận, lắng nghe, thấu hiểu.	Lắng nghe ý kiến của người khác với sự tôn trọng, ...
Đáp ứng	Người học được lôi cuốn vào một chủ đề/hoạt động/ sự kiện từ đó mở rộng việc tìm tòi, làm việc với nó và tham gia vào đó.	Phản ứng, trả lời, xem xét, làm rõ, giải thích, dẫn chứng, đóng góp, thảo luận, đặt câu hỏi, trình bày, trích dẫn, viết, hợp tác, tuân theo, hỗ trợ, giúp đỡ, thực hiện, tham gia..	- Tham gia thảo luận nhóm. Trình bày hiệu quả trước đám đông, ...
Hình thành	Người học có khả năng	Tranh luận, bác bỏ, phản biện,	Nghiên cứu một

Cấp độ	Mô tả	Các động từ thường dùng	Ví dụ
giá trị	hình thành một mục tiêu, tư tưởng, niềm tin... nào đó.	biện minh, chứng minh, thuyết phục, phê phán, đề xuất, đóng góp, khởi xướng, chia sẻ, nghiên cứu, công hiến.	loại dược phẩm mới, công nghệ mới, ...
Tổ chức	Người học có khả năng tổ chức các giá trị thành một hệ thống, có sự nhận thức hoặc sự xác đáng và các mối quan hệ của các giá trị phù hợp, và xây dựng nên các giá trị cá nhân nổi bật.	Mã hóa, xây dựng, phát triển, hình thành, bảo vệ, liên quan, ưu tiên, đối chiếu, tương phản, sắp xếp, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, tích hợp, tổ chức.	Hình thành được sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, có kỹ năng tổ chức các hoạt động, hội thảo, triển khai dự án, đề án, ...
Đặc trưng hóa các giá trị	Người học có khả năng tích hợp các niềm tin, tư tưởng và thái độ thành một triết lí tổng thể hoặc tầm nhìn rộng như thế giới quan.	Tiếp thu, sử dụng, hành động, ảnh hưởng, phân biệt, điều chỉnh, duy trì, thể hiện, thực hành, cam kết, giải quyết.	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, khả năng quản lý, khả năng của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp, ...

Phụ lục 2_ SDH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	
Tên chương trình (Tiếng Anh):	
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ) Tiến sĩ (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)
Mã chuyên ngành đào tạo:	(Ghi theo mã ngành tuyển sinh)
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh:	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	(18-24 tháng đối với đào tạo thạc sĩ, 36-48 tháng đối với đào tạo tiến sĩ)
Hình thức đào tạo:	(Chính quy)
Số tín chỉ yêu cầu:	(Ghi cụ thể)
Điều kiện tốt nghiệp:	Ghi theo quy định đào tạo hiện hành: Hoàn thành CTĐT theo quy định, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ + tên chuyên ngành (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ) Bằng Tiến sĩ + tên chuyên ngành (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)
Vị trí làm việc:	(Mô tả theo vị trí việc làm và khả năng thăng tiến của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT)
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	tiến sĩ, sau tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	(Ghi cụ thể các chương trình đã được tham khảo để xây dựng)

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung (Khái quát được mục tiêu đào tạo của chương trình)

Căn cứ vào để xác định: Sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Hồng Đức và Luật Giáo dục Đại học (Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 19/11/2018).

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào để xác định:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: bậc 7 đối với đào tạo thạc sĩ, bậc 8 đối với đào tạo tiến sĩ);

- Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học);

Xác định những mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PO1, PO2, ... P_{Om} để xác định; **không quá 5 mục tiêu**);

2.1.2.1. Kiến thức

2.1.2.2. Kỹ năng

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.2. Chuẩn đầu ra

Căn cứ vào để xác định:

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ);

- Điều 5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học);

- Trên cơ sở mục tiêu đào tạo thiết kế bảng mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLO) với mục tiêu (PO), từ đó xác định những chuẩn đầu ra của CTĐT gắn với kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PLO1, PLO2, ... PLO_m; **không quá 10 chuẩn**).

Trong các chuẩn đầu ra cần chi tiết hóa nội dung gồm các PI (Performance Indication) (PI là tập con của PLO) để có thể thiết kế ánh xạ ma trận chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT:

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
PLO1		PI1.1	
		PI1.2	
		PI1.3	
		
PLO2		PI2.1	
		PI2.2	
		PI2.3	
		...	
PLO3		PI3.1	
		PI3.2	

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
		PI3.3	
		
....		
II	Kĩ năng		
....		
III	Tự chủ và trách nhiệm		
....		

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung:.....TC	Bắt buộc Tự chọn	
2	Khối kiến thức cơ sở:.....TC	Bắt buộc Tự chọn	
3	Khối kiến thức chuyên ngành: ...TC	Bắt buộc Tự chọn	
4	Chuyên đề nghiên cứu:.....TC <i>(đối với chương trình định hướng nghiên cứu);</i> Thực tập:.....TC <i>(đối với chương trình định hướng ứng dụng)</i>		
5	Luận văn tốt nghiệp <i>(đối với CTĐT định hướng nghiên cứu);</i> Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp: <i>(đối CTĐT thạc sĩ với định hướng ứng dụng)</i> Luận án (tiền sĩ).		
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:.....TC			

(Yêu cầu đối với khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ thực hiện theo Điều 2, Điều 3 của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022) và Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021).

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

* Đối với CTĐT trình độ thạc sĩ:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			

TT	Mã số	Tên học phần	Đơn vị	Số giờ tín chỉ				h	t	n	l
I	Khối kiến thức chung										
1	(Ghi mã HP...)	Triết học									
2		Tiếng Anh									
II	Khối kiến thức cơ sở ngành										
	Các học phần bắt buộc										
1											
2											
...											
	Các học phần tự chọn										
1											
2											
...											
III	Khối kiến thức chuyên ngành										
	Các học phần bắt buộc										
1											
2											
...											
	Các học phần tự chọn										
1											
2											
...											
	Chuyên đề nghiên cứu (đối với chương trình định hướng nghiên cứu); Thực tập (đối với chương trình định hướng ứng dụng)										
IV	Luận văn tốt nghiệp (đối với CTĐT định hướng nghiên cứu) Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp: (đối với CTĐT thạc sĩ với định hướng ứng dụng)										

* Đối với CTĐT trình độ tiến sĩ:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn Quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Phần 1. Các học phần bổ sung									
1	Đối với NCS có bằng Cử nhân ngành đúng, ngành phù hợp (học bổ sung tối thiểu 30tc theo CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành và thực hiện theo CTĐT thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức).									
2	Đối với NCS có bằng thạc sĩ		Căn cứ vào bảng điểm thạc sĩ							

TT	Mã số	Tên học phần	Số giờ tín chỉ				Đ	T	N	I
		<i>chuyên ngành gần</i>	<i>của NCS, Nhà trường yêu cầu học bổ sung các học phần trong số các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT trình độ thạc sĩ hiện hành của trường ĐH Hồng Đức.</i>							
B	Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan									
I	Các học phần bắt buộc									
1										
2										
...										
II	Các học phần tự chọn									
...										
III	Tiểu luận tổng quan									
1										
2										
IV	Các chuyên đề tiến sĩ (Danh mục các chuyên đề khuyến khích mở theo nội dung của đề tài luận án)									
1	CĐTS1									
2	CĐTS2									
3	CĐTS3									
C	Phần 3: Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ (LATS)									
	Tổng cộng:		90							

Lưu ý điều kiện tiên quyết (nếu cần) và thời gian học phù hợp giữa các môn trong Khung chương trình và kế hoạch đào tạo).

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư			
Phó giáo sư			
Tiến sĩ			
Thạc sĩ			

4.2. Phòng học: *Liệt kê phòng học/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình.*

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan: *Liệt kê các phòng thí nghiệm/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình (nếu có).*

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1		
2		

4.4. Thư viện

4.5. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: *Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình.*

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	
2	

V. Đề cương học phần

(Thực hiện xây dựng tất cả các học phần và sắp xếp theo đúng thứ tự tại mục III.2)

M1. Tên học phần tiếng Việt/tiếng Anh

- Số tín chỉ:
- Mã học phần:
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

2. Mục tiêu học phần

- CO1:
- CO...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1:
- CLO...

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, Thực hành, TL-BT, Tự học của từng chương, theo mẫu Đề cương học phần theo định dạng:

Chương 1..... (số tiết (LT,TH,TL-BT, Tự học))

(tên chương viết thường, đậm)

1.....(Mục 1)

1.1.....

1.2.....

.....

2.....(Mục 2)

2.1.....

2.2.....

.....

Chương 2..... (số tiết (LT,TH,TL-BT, Tự học))

.....

.....

.....

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO...
Thuyết trình				
Vấn đáp				
Tự học				
Thảo luận				
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm				
Nghiên cứu tình huống				
Chuyên đề				
Đồ án/Dự án				
....				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Liệt kê các hình thức đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (Ví dụ: Bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, chuyên đề, dự án...)

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric..	CLO...	30%
			CLO...	
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric...	CLO...	
			CLO...	
			CLO...	
3	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric ...	CLO...	
			CLO...	
...				
Đánh giá chuyên cần (20%)				
...	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, đi học đầy đủ/ mức độ tham gia thảo luận, tham gia thực hành, làm bài tập, làm đồ án môn học...	Rubric ...	CLO...	20%
Thi cuối kì (50%)				
...	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề, đồ án/dự án,...	Rubric...,	CLO...	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

Ví dụ: Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Ví dụ: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Ví dụ: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

1) Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản.

2)

Lưu ý: Tài liệu dạy học của học phần được lấy từ quyết định phê duyệt danh mục tài liệu dạy học, đã được Trung tâm thư viện đối chiếu kiểm soát có trong thư viện. Trong trường hợp GV giới thiệu Tài liệu có trong quyết định phê duyệt Danh mục TLDH nhưng không có trong thư viện thì GV phải kết hợp chuyển tới thư viện 1 cuốn để nhân bản lưu sử dụng trong thư viện, hoặc phải thực hiện theo quy trình bổ sung TLDH vào thư viện, tránh lỗi trong đánh giá ngoài (*không viết tắt tên tác giả, tên tài liệu, nhà xuất bản*).

M2. (Tên học phần)

.....
(trình bày tương tự theo định dạng của môn M1)

M3. (Tên học phần)

Tiểu luận tổng quan (Đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)....

Chuyên đề nghiên cứu 1

.....
(đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu)

Cần ghi số thứ tự chuyên đề 1,2,3...; nêu Hướng nghiên cứu của chuyên đề (tên tiếng Việt/tiếng Anh).

Ví dụ: Chuyên đề nghiên cứu 1 (*hướng nghiên cứu*): Cơ sở hóa học dị vòng / Heterocyclic Chemistry basis (Đối với ngành Hóa học hữu cơ)

Ví dụ: Chuyên đề nghiên cứu 1: Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay)/ Vietnam's foreign relations in the period of renovation (from 1986 to present) (Đối với chuyên ngành Lịch sử Việt Nam)

- Số tín chỉ:

- Bộ môn phụ trách hướng dẫn (giảng dạy):

1. Tóm tắt nội dung hướng nghiên cứu của chuyên đề

(Liệt kê hoặc tóm lược nội dung chính của chuyên đề/hướng nghiên cứu: không quá 150 từ)

2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

(Nêu kiến thức cốt lõi học viên cần đạt được khi hoàn thành chuyên đề nghiên cứu)

3. Năng lực cần đạt

- Nêu được tính cấp thiết về chuyên đề/hướng nghiên cứu
- Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu (Đưa ra được một số công trình nghiên cứu đang được quan tâm về mảng chuyên đề này...)

- Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/hướng nghiên cứu, gắn với đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Viết và trình bày được chuyên đề, báo cáo kết quả của chuyên đề nghiên cứu (theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Biểu mẫu số 2,3,4 của Quyết định này).

4. Yêu cầu của chuyên đề

Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung chuyên đề

VD: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất% số giờ lý thuyết,% số giờ thực hành,% số giờ tự nghiên cứu, hoàn thành chuyên đề nghiên cứu được giảng viên hướng dẫn và Bộ môn tổ chức đánh giá từ đạt yêu cầu trở lên theo quy định.

5. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học/hướng dẫn

Liệt kê Kế hoạch, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hướng dẫn chuyên đề:

- Hình thức tổ chức nghiên cứu chuyên tập trung tại lớp, phòng nghiên cứu, phòng thực hành hoặc tự nghiên cứu ở nhà, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Phương pháp dạy học là: Nghiên cứu theo định hướng của giáo viên hướng dẫn.

- Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, thời gian cuối của chuyên đề bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên, rèn luyện cho người học cách thức báo cáo/trình bày một chuyên đề nghiên cứu...

6. Phương pháp đánh giá chuyên đề

Điểm chuyên đề do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

6. Danh mục tài liệu tham khảo

Ví dụ:

1. Nguyễn Minh Thảo (1998), *Giáo trình Hóa học các hợp chất dị vòng* (Dành cho chương trình Cao học hữu cơ), NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

2. Trần Quốc Sơn (2010), *Cơ sở Hóa học dị vòng*, nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội.

Chuyên đề nghiên cứu 2.....
(đối với chương trình định hướng nghiên cứu)

Chuyên đề nghiên cứu 3.....
(đối với chương trình định hướng nghiên cứu)

Thực tập (đối với chương trình định hướng ứng dụng)

Luận văn tốt nghiệp: (đối với CTĐT định hướng nghiên cứu)

Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp: (đối CTĐT với định hướng ứng dụng).....

Luận án tiến sĩ: (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

Liệt kê các TLTK, CTĐT đã tham khảo để XD chương trình. Copy cả file và đường link (nếu có).

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng (với CTĐT theo định hướng ứng dụng)/định hướng nghiên cứu (với CTĐT theo định hướng nghiên cứu).

- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ)/tiến sĩ (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ) tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ)/tiến sĩ (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng đối với đào tạo trình độ thạc sĩ. (36-48 tháng đối với đào tạo trình độ tiến sĩ);

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trưởng Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ. Trưởng Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ/tiến sĩ chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết (nếu có) cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 3_SDH

Bản mô tả chương trình trình độ thạc sĩ/tiến sĩ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình:
Trình độ đào tạo:
Chuyên ngành đào tạo:
Mã chuyên ngành:

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

Giới thiệu về quá trình xây dựng giáo dục lần đầu, qua những lần điều chỉnh nào (năm điều chỉnh), chương trình được tham khảo những chương trình nào khác (liệt kê các CTĐT của các cơ sở giáo dục khác).

Giới thiệu khái quát về chương trình (Khối kiến thức chung, khối kiến thức ngành/chuyên ngành, số tín chỉ, số tín chỉ tự chọn, tổng số tiết lý thuyết, thảo luận, BT, TH, kiến tập, thực tập...);

Giới thiệu về đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn,...), cơ sở vật chất (phòng học, thực hành, thí nghiệm, tài liệu,...).

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	
Tên chương trình (Tiếng Anh):	
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ) Tiến sĩ (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)
Mã chuyên ngành đào tạo:	(Ghi theo mã ngành tuyển sinh)
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	(18-24 tháng đối với đào tạo thạc sĩ, 36-48 tháng đối với đào tạo tiến sĩ)
Hình thức đào tạo:	(Chính quy)
Số tín chỉ yêu cầu:	(Ghi cụ thể)
Điều kiện tốt nghiệp:	Ghi theo quy định đào tạo hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ + tên chuyên ngành (đối với CTĐT trình độ thạc sĩ) Bằng Tiến sĩ + tên chuyên ngành (đối với CTĐT trình độ tiến sĩ)
Vị trí làm việc:	(Mô tả theo vị trí việc làm và khả năng thăng tiến)

	<i>của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT)</i>
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	<i>tiền sĩ, sau tiến sĩ trong và ngoài nước</i>
Chương trình tham khảo:	<i>(Ghi cụ thể các chương trình đã được tham khảo để xây dựng)</i>

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

Căn cứ để viết: Trả lời được 3 vấn đề được nêu tại Điều 4 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT;

3.1. Mục tiêu chung (Khái quát được mục tiêu đào tạo của chương trình)

Nêu tóm tắt mục tiêu của CTĐT gì, có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng nguồn nhân lực... (không quá 150 từ).

3.2. Mục tiêu cụ thể

Xác định những mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (dùng ký hiệu PO1, PO2, ... PO_n để xác định có bao nhiêu mục tiêu cụ thể)

Trong mỗi PO có thể khái quát được cả kiến thức, kỹ năng hoặc cả thái độ.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình

Trình bày rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

PLO1.....

PLO2.....

PLO_m.....

Các chuẩn đầu ra cần bày chi tiết hóa nội dung gồm các PI (*Performance Indication*) (PI là tập con của PLO) để có thể thiết kế ánh xạ ma trận chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT:

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
I	Kiến thức		
PLO1		PI1.1	
		PI1.2	
		PI1.3	
		
PLO2		PI2.1	
		PI2.2	
		PI2.3	
		...	
PLO3		PI3.1	
		PI3.2	
		PI3.3	
		
....		
II	Kỹ năng		

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
....		
III	Tự chủ và trách nhiệm		
....		

Căn cứ để viết:

- Căn cứ vào Điều 5 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT;

- Sử dụng các yêu cầu chuẩn được quy định tại Phụ lục của *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016* của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc trình độ 7 đối với đào tạo trình độ thạc sĩ/ bậc 8 đối với đào tạo trình độ tiến sĩ).

5. Chuẩn đầu vào của chương trình

Xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực phù hợp với chuyên ngành, định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể hoàn thành chương trình theo đúng thời gian quy định.

Căn cứ để viết:

- Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu của CTĐT								
	Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PO1	PO2		PO..	PO..		PO...	PO..	
CTĐT									
PLO1									
PLO2									
PLO3									
...									
PLO _m									

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: *Liệt kê những phương pháp dạy học.... có thể khai thác sử dụng một số nhóm PP dạy học gợi ý như sau:*

- + Nhóm PP dạy-học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);
- + Nhóm PP dạy-học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)

- + Nhóm PP dạy-học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy-học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

Ma trận tích hợp CDR của CTĐT và phương pháp dạy-học

PP dạy học	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	Kiến thức			Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2		PLO..	PLO..		PLO...	PLO..	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa PP dạy học với CDR của CTĐT

7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

Liệt kê các phương pháp, hình thức được sử dụng để kiểm tra đánh giá

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung:.....TC	Bắt buộc	
		Tự chọn	
2	Khối kiến thức cơ sở:.....TC	Bắt buộc	
		Tự chọn	
3	Khối kiến thức chuyên ngành: ...TC	Bắt buộc	
		Tự chọn	
4	Tiểu luận tổng quan (Đối với CTĐT trình độ tiến sĩ) :.....TC		
	Chuyên đề nghiên cứu:....TC (đối với chương trình định hướng nghiên cứu);		
	Thực tập:.....TC (đối với chương trình định hướng ứng dụng)		
5	Luận văn tốt nghiệp (đối với CTĐT định hướng nghiên cứu);		
	Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp: (đối với CTĐT thạc sĩ với định hướng ứng dụng)		
	Luận án (tiến sĩ)		
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:.....			

Mô tả ngắn gọn các khối kiến thức (theo mẫu)

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
----	-------	---------------	-------------------------	------------------

1	M1	- Nội dung học phần: - Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được: (liệt kê các chuẩn đầu ra của HP)	<i>Liệt kê không quá 02 giáo trình/tài liệu tham khảo chính và không quá 04 tài liệu tham khảo. Cách trích dẫn tài liệu: Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, Nxb.</i>
2	M2	- Nội dung học phần: - Năng lực đạt được hoặc hướng tới đạt được: <i>sau khi kết thúc học phần</i>	<i>Liệt kê không quá 02 giáo trình/tài liệu tham khảo chính và không quá 04 tài liệu tham khảo. Cách trích dẫn tài liệu: Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, Nxb.</i>
....

Được tách ra từ mục V của chương trình giáo dục và trình bày theo mẫu

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
Học kỳ 1 (số TC...)	Học kỳ 2 (số TC...)
Kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành:	Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành
Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (số TC...)	Học kỳ 2 (số TC...)
Kiến thức chuyên ngành, thực tập/chuyên đề nghiên cứu, Chuyên đề nghiên cứu:.....TC (đối với chương trình định hướng nghiên cứu); Thực tập:.....TC (đối với chương trình định hướng ứng dụng)	- Luận văn tốt nghiệp: (đối với CTĐT định hướng nghiên cứu); - Đề án, đồ án hoặc dự án tốt nghiệp: (đối CTĐT với định hướng ứng dụng)

Được tách ra từ bảng III của chương trình đào tạo và trình bày theo mẫu

4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

Chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT có liên quan với mục tiêu (PO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm:

Tên HP	Chuẩn đầu ra CTĐT							
	PO1	PO2	PO...	PO....	PO..	PO...	PO...	PO...
M1								
M2								
M3								
...								

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4 _ SDH.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(ĐC CTHP in trên giấy A4, phông chữ Times New Roman 13, cách dòng 1,1 theo mẫu quy định)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ/tiến sĩ

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:		Mã học phần
Tên tiếng Anh:		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ:		
Số tiết lý thuyết:	Số tiết thảo luận/bài tập:	
Số tiết thực hành:	Số tiết tự học:	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết:		
Học phần kế tiếp:		
Bộ môn quản lý học phần		

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
				Phụ trách
				Tham gia
				Trợ giảng (nếu có)

3. Mô tả tóm tắt học phần

Tóm tắt các nội dung chính của học phần

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Các chuẩn đầu ra (CLO) của học phần có liên quan với CĐR (PLO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm

Chuẩn đầu ra học phần (CLO _x)	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)
CLO1		PLO _{xy} ...hoặc các PI _{xy} của PLO _{xy}
CLO2		PLO _{xy} ...hoặc các PI _{xy}) của PLO _{xy}
....		

Hướng dẫn:

- Chuẩn đầu ra của học phần bắt đầu bằng động từ chỉ hành động.
- Ánh xạ CLO với các PLO theo từng chương trình đào tạo sẽ khác nhau, nếu chương trình đào tạo có PI thì ánh xạ trực tiếp vào PI nếu không có PI thì ánh xạ trực tiếp vào PLO.
- Theo yêu cầu kiểm định của từng ngành, đơn vị đào tạo cần cập nhật chính xác bảng ánh xạ này.
- Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PLO1			PLO2		PLOm		
	PI1.1	PI1.2	...	PI2.1	PI2.1			PIm.1	PIm.2	...
1	✓									
2					✓					
3						✓				
4									✓	
5										

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CĐR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, Nxb.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	- Tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, Nxb. - ...

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề/đề án/mô hình/dự án....	Rubric..	CLO... CLO... CLO...	30%
2	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề/đề án/mô hình/dự án....	Rubric...	CLO... CLO... CLO...	
3	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề/đề án/mô hình/dự án....	Rubric ...	CLO... CLO...	
...				
Đánh giá chuyên cần (20%)				
...	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, đi học đầy đủ/ mức độ tham gia thảo luận, tham gia thực hành, làm bài tập, làm đồ án môn học...	Rubric ...	CLO...	20%
Thi cuối kì				
...	Vấn đáp/trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận/chuyên đề/đề	Rubric...,	CLO...	50%

án/mô hình/dự án....			
Thang điểm	10		

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu học viên chuẩn bị
Chương 1 (tên chương, số tiết Lí thuyết/Thảo luận-Bài tập/Thực hành)					
		Lí thuyết			
		Thảo luận/BT			
		Thực hành			
		chuyên đề/đề án/ mô hình/dự án			
		Khác			
		Tự học			
		KT - ĐG			
Chương ... (tên chương, số tiết Lí thuyết/Thảo luận-Bài tập/Thực hành)					
.....					

Lưu ý: - Giảng viên thiết kế lịch trình giảng dạy theo chương/mục phù hợp với đề cương học phần trong CTĐT.

- Bảng này được thiết kế cho từng nội dung ứng chương/mục từ đầu học phần cho đến hết học phần: Ví dụ:

Chương 1..... (số tiết (LT,TH,TL-BT, Tự học))
(tên chương viết thường, đậm)

1.....(Mục 1)

1.1.....

1.2.....

2.....(Mục 2)

2.1.....

2.2.....

Chương 2.....(số tiết (LT,TH,TL-BT Tự học))

Chương 3..... (số tiết (LT,TH,TL-BT Tự học))

Chương 4..... (số tiết (LT,TH,TL-BT Tự học))

8. Quy định đối với học viên

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Ngày tháng năm
Trưởng khoa phê duyệt
(kí và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn
(kí và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Giảng viên
(kí và ghi rõ họ tên)

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SDH
(kí kiểm soát)

Ghi chú: (1) ĐC CTHP do GV biên soạn, Bộ môn góp ý và tổ chức thẩm định, Trưởng khoa thẩm định và phê duyệt; ĐC CTHP được cung cấp cho học viên ngay từ đầu buổi học đầu tiên của học phần. Giảng viên phải giải thích thêm cho học viên trong giờ học đầu tiên và trong suốt quá trình dạy học bộ môn.

(2) Phiếu đánh giá đề cương chi tiết học phần, biên bản nghiệm thu đề cương chi tiết học phần đóng kèm cuối cuốn đề cương chi tiết học phần để dễ dàng kiểm soát và phục vụ mình chứng kiểm tra đánh giá.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Đề cương chi tiết học phần (ĐC CTHP) do giảng viên hoặc nhóm giảng viên cùng phụ trách một học phần biên soạn dưới sự chỉ đạo của Tổ trưởng bộ môn (theo mẫu). Để các bộ môn có thể cung cấp các thông tin quan trọng một cách tương đối thống nhất, Nhà trường hướng dẫn một số điểm như sau:

Mục 1. Thông tin về học phần

Ghi đầy đủ thông tin các mục tương ứng.

Học phần tiên quyết là các học phần cung cấp kiến thức nền cho học phần này và phải được dạy trước. Học phần kế tiếp là các học phần mà học phần này là học phần tiên quyết, tức là học phần này cung cấp kiến thức nền cho các học phần đó.

Mục 2. Thông tin về giảng viên

Ghi đầy đủ thông tin các mục tương ứng.

Mục 3. Mô tả tóm tắt học phần

Tóm tắt những nội dung chính của học phần (khoảng 110-140 từ).

Mục 4. Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra học phần là sự cụ thể hóa các kết quả đạt được sau khi hoàn thành học phần (Đây là thành tố nhằm đạt CDR của chương trình đào tạo). Chuẩn đầu ra học phần phải được xác định rõ ràng cho cả 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Khi xây dựng chuẩn đầu ra của học phần, căn cứ mục tiêu học phần (đã gắn với chuẩn đầu ra của CTĐT) để mô tả kết quả mong muốn đạt được.

Ví dụ: Chuẩn đầu ra học phần (Kỹ năng quản trị)

Sau khi hoàn thành chương trình học, người học có các chuẩn đầu ra sau:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần	PLO
1	Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về các kỹ năng quản trị vào quá trình điều hành.	4
2	Xây dựng và vận hành được bản kế hoạch tự quản trị; bản kế hoạch quản trị nhân sự trong doanh nghiệp.	5
3	Đánh giá và phân tích được nhu cầu của nhân viên từ đó xây dựng được kế hoạch tạo động lực cho nhân viên trong doanh nghiệp.	5
4	Đề xuất được các ý tưởng đổi mới sáng tạo trong quản trị và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học.	7,8
5	Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị doanh nghiệp.	7,8
6	Hình thành được phong cách giao tiếp tự tin, khoa học; Lựa chọn và định hình được thương hiệu cá nhân. Tự đánh giá và xây dựng được kế hoạch cải tiến hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời.	8,9

Mục 5. Tài liệu dạy học

Gồm bộ giáo trình/TL tham khảo chính (01-02) và học liệu tham khảo (không quá 04). Ghi tên tác giả (năm xuất bản), tên tài liệu, nhà xuất bản (không viết tắt); các website, các loại băng hình, băng tiếng theo thứ tự ưu tiên.

Mục 6. Đánh giá kết quả học tập

Có 03 hình thức kiểm tra đánh giá

(1) **Kiểm tra thường xuyên** (Trọng số 30%). KTĐG được tiến hành trong suốt thời gian dạy-học học phần, trong giờ lí thuyết, thảo luận, thực hành..., kể cả ngoài giờ học, trong giờ tư vấn cho học viên bằng nhiều hình thức, kỹ thuật phong phú, đa dạng, tạo động lực, hứng thú cho học viên học tập, nghiên cứu học phần và cũng giúp giảng viên có những thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình. KTĐG thường xuyên phải được kết

hợp nhuần nhuyễn với các giờ học, là **bộ phận cấu thành của các phương pháp dạy học**, không gắn với tên học viên cụ thể, chỉ nhằm định hướng cho hoạt động học, nghiên cứu môn học và cũng là để điều chỉnh hoạt động của giảng. KTĐG thường xuyên thường dùng để định hướng, tạo động lực cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của học viên .

(2) **Đánh giá chuyên cần** (Trọng số 20%). Đánh giá mức độ chuyên cần của người học thông qua Rubric đánh giá chuyên cần, mức độ đi học đầy đủ/ mức độ tham gia thảo luận, thực hành, làm bài tập, làm đồ án môn học...

(3) **Thi kết thúc học phần** (Trọng số 50%). Đây là bài đánh giá quan trọng nhất của học phần nhằm đánh giá toàn diện chuẩn đầu ra của học phần. Cách thực hiện là cách thức tiến hành thi đánh giá (Bài tập lớn, vấn đáp, lý thuyết, trắc nghiệm,...). Phương pháp đánh giá phải phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.

Đối với mỗi hình thức đánh giá, giảng viên phải xây dựng các tiêu chí đánh giá cho mỗi loại nhằm giúp người học định hướng được cần phải thực hiện các bài kiểm, thi tra như thế nào, trong đó chú ý đánh giá các nội dung liên quan phần tự học của sinh viên. Đồng thời học viên có thể tự đánh giá được mức độ hoàn thành yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá.

*** Riêng học phần triết học được thực hiện theo Thông tư số 08/2013/TT-BGDĐT ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Mục 7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Đây là thông tin rất quan trọng đối với giảng viên, học viên và người quản lí. Do đặc thù của hình thức tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dưới các hình thức: lý thuyết, thảo luận/bài tập, thực hành, tự học, khác. Ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. Lưu ý rằng để chuẩn bị cho 01 giờ lý thuyết người học cần 02 giờ chuẩn bị ở nhà, cho 02 giờ thực hành cần 01 giờ chuẩn bị, hoặc 03 giờ tự học (đối với 01 giờ tín chỉ ở mỗi hình thức dạy học).

Giảng viên xác định nội dung chính, số tiết, hình thức dạy học tương ứng, gắn với chuẩn đầu ra của học phần mà người học đạt được khi hoàn thành nội dung, tài liệu tham khảo, công việc người học cần chuẩn bị trước khi đến lớp.

Lưu ý: Mỗi học phần dành không dưới 40% số giờ để tổ chức thảo luận, bài tập và thực hành nhằm giúp người học vận dụng được kiến thức lý thuyết giải quyết những vấn đề trong thực tiễn.

Mục 8. Quy định đối với học viên

Nêu rõ những yêu cầu của GV đối với người học trong quá trình học tập.

Mục 9. Các yêu cầu khác của giảng viên

Giảng viên cung cấp các yêu cầu khác đối với học viên như tinh thần, thái độ, các thủ tục học lại, thi lại.

Mục 10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Giảng viên cập nhật các mốc thời gian thay đổi đề cương chi tiết học phần./.

Phụ lục 5_ SDH.

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Bậc đào tạo:.....(Thạc sĩ/Tiến sĩ)

Tên học phần:.....Mã học phần:

Dùng cho lớp/chuyên ngành:.....

Họ và tên người đánh giá:.....Học hàm, học vị:.....

Đơn vị công tác:.....Chức vụ:

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm ĐG
1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, tổng quan học phần	1.1. Phù hợp với mục tiêu chung của chuyên ngành	5	
		1.2. Mục tiêu được mô tả ngắn gọn, cụ thể; nêu được ý nghĩa, vị trí của học phần trong CTĐT	5	
		1.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ; CĐR phải rõ ràng, cụ thể, dễ đánh giá	10	
2	Nội dung	2.1. Đầy đủ các nội dung đáp ứng mục tiêu học phần	5	
		2.2 Nội dung cốt lõi đáp ứng được yêu cầu của CĐR	10	
		2.3. Phân bổ số tiết cho lý thuyết, thực hành phù hợp	5	
		2.4. Thiết kế chi tiết tới chương, mục, tiểu mục và phân bổ số tiết phù hợp với từng nội dung	5	
3	Liên kết giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT	Mức độ phù hợp giữa CLO của học phần với PLO của CTĐT	5	
4	Tài liệu học tập, tham khảo	4.1. Đúng, đầy đủ, cập nhật, trình bày đúng quy định	5	
		4.2. Có bài giảng được bộ môn phê duyệt làm tài liệu học tập	5	
5	Quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	5.1. Hình thức kiểm tra, đánh giá đo lường được năng lực của người học, đáp ứng CĐR đã công bố	10	
		5.2. Cơ cấu điểm, hình thức kiểm tra phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả học tập	5	
		5.3. Tiêu chí đánh giá rõ ràng, phù hợp	5	
6	Tổ chức dạy học	6.1. Tính phù hợp của phương pháp dạy học tại các chương	10	
		6.2. Tổ chức hoạt động dạy học phù hợp, phát huy tính tích cực, chủ động của người học	5	
		6.3. Chú trọng tự học, tự nghiên cứu của người học	5	
CỘNG			100	

Ghi chú: Điểm đánh giá nằm trong khoảng từ 0 đến điểm chuẩn của từng nội dung/hàng

Nhận xét:

.....
Xếp loại đề cương: Tốt (85-100)
 Khá (70-84)
 Đạt (55-69)
 Không đạt (<55)

.....*ngày.....tháng.....năm 20.....*

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục 6_ SDH.

KHOA
BỘ MÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Phần chung

1. Hội đồng nghiệm thu đề cương chi tiết gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

2. Hội đồng họp vào hồih..... ngày tháng năm 202... tại phòng:.....
Bộ môn, tầng, nhà A....., Đại học Hồng Đức.

3. Nội dung: Hội đồng họp nghiệm thu đề cương chi tiết học phần theo học chế tín chỉ.

- Tên học phần:

- Số tín chỉ:

- Ngành/chuyên ngành đào tạo:

II. Phần nhận xét

Sau khi nghe tác giả trình bày nội dung đề cương chi tiết học phần, Hội đồng nhận xét, thảo luận, góp ý và thống nhất một số ý kiến sau:

- Về hình thức:

- Về cấu trúc:

- Về nội dung:.....

.....
(Nội dung phù hợp với chương trình đào tạo chuyên ngành và theo định hướng giúp người học tự học, tự nghiên cứu. Các rubric được sử dụng trong việc đánh giá kết quả học phần là đầy đủ, chi tiết và phù hợp với đặc thù của học phần....)

III. Kết luận

Hội đồng thống nhất thông qua đề cương chi tiết trên và đề nghị nhà trường thông qua để giảng dạy bắt đầu từ năm học

Buổi họp kết thúc hồih.... cùng ngày.

Thư kí Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Phụ lục 7_SĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

KHOA ...

BỘ MÔN ... _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÁC NHẬN KẾT QUẢ BIÊN SOẠN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm học 202... - 202...

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Dùng cho khóa K..., ngành...	GV biên soạn	Xây dựng mới	Chỉnh sửa	Ghi chú

Thanh Hóa, ngày ... tháng ... năm 202...

PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

XÁC NHẬN CỦA LĐ KHOA

XÁC NHẬN CỦA
TRƯỞNG BỘ MÔN

Gợi ý xây dựng Rubric về các tiêu chí đánh giá_SDH

1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Tích chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng < 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt \geq 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% -94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Vào lớp học đúng giờ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Vào lớp muộn > 30% số buổi	Vào lớp muộn 20-30% số buổi	Vào lớp muộn (quá 15 phút) 10% số buổi	Luôn đi học đúng giờ

2. Tiêu chí đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến áp dụng căn cứ khoa học, logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

3. Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân/thực hành/tự học

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo.	Mới chỉ nêu được tưởng.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ.	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

4. Tiêu chí đánh giá thuyết trình theo nhóm (SP nhóm)/Đồ án, dự án/chuyên đề

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.	Trình bày không đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề
Hình thức, báo cáo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung.	Trình bày dạng đọc, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.	Cách trình bày rõ ràng, dễ hiểu.
Trả lời câu hỏi	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không trả lời được câu nào	Trả lời được 25%- 50% câu hỏi.	Trả lời được 70% câu hỏi.	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng
Làm việc nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Bài báo cáo chưa hoàn chỉnh, sai nội dung.	Không có sự kết hợp của các thành viên, có 1 hay vài thành viên chuẩn bị và báo cáo	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên

5. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt <4.0	Đạt 4.0-5.9	Khá 6.0-7.9	Tốt 8.0-10
Nội dung	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Làm bài đúng theo yêu cầu < 40 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 40 - 60 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu từ 60-80 % câu theo đề bài	Làm bài đúng theo yêu cầu trên 80%
Khả năng vận dụng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được bài tập	Thực hiện đúng chủ đề đã giảng trên lớp	Có khả năng vận dụng kiến thức	Bài làm có tính vận dụng sáng tạo
Khả năng phân tích	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không phân tích được vấn đề	Phân tích vấn đề còn sơ sài	Có khả năng phân tích tương đối đầy đủ vấn đề được đưa ra	Phân tích chính xác vấn đề được đưa ra

Phụ lục 8_ SDH

Các mẫu hồ sơ phục vụ rà soát, thẩm định chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ

Biểu 1_ SDH

TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC
KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Nội dung cần điều chỉnh

Chương trình đào tạo chuyên ngành.....

- Chương trình đào tạo chuyên ngành hiện hành:
 - + Tên chương trình đào tạo:
 - + Quyết định số...../QĐ-ĐHHD ngày / / 20... của Hiệu trưởng;
- Nêu những luận cứ, hồ sơ minh chứng sự cần thiết phải điều chỉnh, cập nhật CTĐT:
- Những nội dung đề nghị được sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT:

TT	Nội dung trong CTĐT hiện hành	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do
1			
2			

Ý kiến của Hội đồng khoa

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Trưởng Bộ môn

Biểu 2_ SDH

Báo cáo Kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo khác

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA/BỘ MÔN:..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo khác (Phục vụ để xây dựng mới/điều chỉnh CTĐT)

Tên chuyên ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Mã chuyên ngành:

Đơn vị xây dựng:

Tổng số TC:

Tổng số học phần:

1. Các chương trình đào tạo đã tham khảo:

Liệt kê chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước (có đường link tham khảo) và đánh giá mức độ tham khảo (tỷ lệ giống nhau, mức độ tham khảo, nội dung/học phần/phần kiến thức...) để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo mới hoặc cập nhật.

2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

2.1.1. Mục tiêu chương trình đào tạo

CTĐT chuyên ngành.... Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	...
Mục tiêu chung			
Mục tiêu cụ thể			

Nhận xét:

2.1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	...
Kiến thức			
Kỹ năng			
Mức tự chủ và trách nhiệm			

Nhận xét:

2.1.3. Khung chương trình đào tạo

Nội dung	Trường ĐH Hồng Đức	Trường ĐH A	Trường ĐH B	
Thời gian đào tạo				
Tổng số TC				
+ Khối kiến thức chung				
+ Khối kiến thức cơ sở ngành				
+ Kiến thức chuyên ngành				
Thực tập (đối với CTĐT theo định hướng ứng dụng)				
Chuyên đề nghiên cứu (đối với CTĐT theo định hướng nghiên cứu)				
+ Luận án/Đồ án TN				

Nhận xét:

2.1.4. Các học phần trong chương trình đào tạo

CTĐT TT	Tên các HP (Trường ĐHHĐ)	Trường ĐH A	Trường ĐH B	
A	Kiến thức chung			
B	Kiến thức cơ sở ngành			
C	Kiến thức chuyên ngành			
Tổng số HP				
Tổng số TC				
Số HP tương đồng				
Số TC tương đồng/(% tương đồng)				

Ghi chú: tích dấu ✓ vào các dòng tương ứng nếu CTĐT của trường nào cũng có tên HP đó.

Nhận xét:

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...

HĐ XÂY DỰNG CTĐT

PHỤ LỤC (các minh chứng về CTĐT đã tham khảo nếu có bản cứng in kèm)

Biểu 3__ SDH

Báo cáo kết quả quá trình xây dựng chương trình đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA/BỘ MÔN..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Kết quả quá trình xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành.....

1. Kết quả khảo sát, lấy ý kiến về chương trình đào tạo

- 1.1. Từ nhà sử dụng lao động (địa chỉ, số phiếu):
- 1.2. Nhà khoa học chuyên môn (địa chỉ, số phiếu):
- 1.3. Giảng viên (địa chỉ, số phiếu):
- 1.4. Học viên tốt nghiệp (địa chỉ, số phiếu):
- 1.5. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến để làm cơ sở xây dựng CTĐT, chuẩn đầu ra.

2. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo

Từ các trường đại học trong nước và quốc tế: Danh mục và nội dung (file, link gốc) các CTĐT của các trường đại học có uy tín ở trong nước và quốc tế mà tổ soạn thảo đã tham khảo.

3. Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ, số tín chỉ phân bổ trong từng học kỳ
- Số tín chỉ của các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần bắt buộc, tỷ lệ
- Số tín chỉ của các học phần tự chọn, tỷ lệ

Thanh Hóa, ngày.....thángnăm 20....

HD XÂY DỰNG CTĐT

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 4_QLĐT SDH**Biên bản xác nhận Tài liệu phục vụ dạy-học các học phần****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN XÁC NHẬN****Tài liệu phục vụ dạy-học các học phần**Thuộc CTĐT chuyên ngành:
.....Mã chuyên ngành:
.....

TT	Tên học phần	Giáo trình, tài liệu tham khảo	Thư viện	
			Có	Không
		* Giáo trình chính		
		Tên tác giả (năm xuất bản), <i>tên tài liệu</i> , nhà xuất bản		
		* Tài liệu tham khảo		
		Tên tác giả (năm xuất bản), <i>tên tài liệu</i> , nhà xuất bản		
		* Giáo trình chính		
		* Tài liệu tham khảo		

Ghi chú:

- Tên học phần để theo thứ tự trong bảng **II.2. Danh sách và mô tả các học** (của bản mô tả chương trình đào tạo).

- Những tài liệu dạy học thuộc danh mục TLDH trong CTĐT do tổ soạn thảo lập có trong thư viện sẽ tích dấu (✓) vào mục có hoặc không./.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

TT THÔNG TIN THƯ VIỆN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

HĐ XÂY DỰNG CTĐT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 5__ SDH

**Bảng tổng hợp Các học phần tương đương giữa chương trình đào tạo năm 20....
so với năm 20....**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA/BỘ MÔN:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP

**Các học phần tương đương giữa chương trình đào tạo năm 20....
so với năm 20....**

Tên chương trình đào tạo:

Mã chuyên ngành đào tạo:

TT	CTĐT năm 20... (CTĐT đã phê duyệt)	Số TC	CTĐT năm 20..... (CTĐT đề nghị điều chỉnh)	Số TC
1				
2				
3				
4				
5				

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Ý KIẾN HỘI ĐỒNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 6 __ QLĐT SDH

Biên bản họp thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo (cấp khoa)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khoa..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN HỌP NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ:..... (THẠC SĨ/TIẾN SĨ)
(Cấp khoa)

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN

1. Thời gian, địa điểm:.....
2. Thành phần:.....
3. Chủ tọa:.....
4. Thư ký:.....

II. NỘI DUNG HỌP

1. Tổ soạn thảo CTĐT báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng (*kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động, chuyên gia, cựu học viên, giảng viên; nội dung điều chỉnh, bổ sung, cập nhật; chuẩn đầu ra của CTĐT*) và tóm tắt nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành.....

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa

2.1. Các phản biện đọc nhận xét

.....
.....

2.2. Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi, góp ý

.....

3. Trả lời của Tổ soạn thảo CTĐT:

.....

4. Kết luận của Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa

.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20...

Chữ ký của các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT cấp khoa:

1: **Thư ký Hội đồng** **Chủ tịch Hội đồng**

.....

2:

.....

3:

.....

Biểu 7_ QLĐT SDH:

Báo cáo giải trình chỉnh sửa sau họp Hội đồng thẩm định

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

**Giải trình chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng
thẩm định chương trình đào tạo thạc sĩ/tiến sĩ
(Chuyên ngành:.....)**

Ngày.....tháng.....năm 2022, Nhà trường đã tổ chức Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành.....

Theo góp ý của Hội đồng thẩm định, HĐ xây dựng CTĐT đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa các nội dung theo góp ý, cụ thể như sau:

STT	Nội dung Hội đồng thẩm định góp ý	Nội dung chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng	Lý giải

XÁC NHẬN CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CTĐT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

HĐ XÂY DỰNG CTĐT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 8_QLĐT SDH: Mẫu bìa Chương trình đào tạo, Bản mô tả CTĐT

**UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ:

Chuyên ngành:

Định hướng:

Mã số chuyên ngành:

Thanh Hóa, Tháng năm 20

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ:

Chuyên ngành:

Định hướng:

Mã số chuyên ngành:

Thanh Hóa, Tháng năm 20